

Số: 278/QĐ-DSG-TĐKT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v khen thưởng sinh viên đạt học bổng
“Học tập tốt – Rèn luyện tốt” năm học 2022-2023 (đợt 2)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 57/2004/QĐ-TTg, ngày 06/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học DL Kỹ nghệ TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 52/2005/QĐ-TTg, ngày 16/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học DL Kỹ nghệ TP. Hồ Chí Minh thành Trường Đại học DL Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 4488/QĐ-BGD&ĐT, ngày 19/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quy chế tổ chức, hoạt động và quản lý Quỹ khuyến học STU ban hành theo quyết định số 114/QĐ-DSG-HĐQT ngày 30/8/2011 của Hội đồng Quản trị Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-DSG-HĐQT ngày 12/10/2020 về việc điều chỉnh mức học bổng của Quy chế tổ chức, hoạt động và quản lý Quỹ khuyến học STU của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ thành tích học tập loại Khá trở lên, đồng thời có số tín chỉ tích lũy trong năm học $\geq 90\%$ và rèn luyện loại Khá trở lên của sinh viên hệ chính quy trong năm học 2022-2023;

Theo đề nghị của Phòng Công tác Sinh viên;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Tặng giấy khen và phần thưởng cho 1164 sinh viên đạt thành tích Giỏi, Khá trong học tập và rèn luyện năm học 2022-2023 theo danh sách đính kèm;

Điều 2. Mức thưởng kèm với giấy khen như sau:

- 1.000.000 đồng/suất đối với sinh viên đạt loại Giỏi;
- 600.000 đồng/suất đối với sinh viên đạt loại Khá;

Điều 3. Phòng Công tác Sinh viên, Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Thường trực Hội đồng thi đua - Khen thưởng, các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- TT HĐQT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu P. HCQT, P. CTSV.



PGS. TS. Cao Hào Thi

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG "HỌC TẬP TỐT - RÈN LUYỆN TỐT"
NĂM HỌC 2022 - 2023 (Đợt 2)

(Kèm theo quyết định số: 278 /QĐ-DSG-TĐKT ngày 20 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Sài Gòn)

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
I. Loại Giỏi						
1	DH11902900	Huỳnh Tấn Tài	D19_CDT02	8,08	83	
2	DH12004075	Huỳnh Ngọc Hải	D20_CDTU01	8,31	88	
3	DH12202976	Lê Nhật Minh	D22_CDT01	8,22	80	
4	DH31900720	Nguyễn Phước Đạt	D19_DDT01	8,08	83	
5	DH31900567	Lê Hoàng Giang	D19_DDT01	8,23	85	
6	DH31902899	Huỳnh Đỗ Đăng Khoa	D19_DDT01	8,22	85	
7	DH32112380	Nguyễn Thanh Phú	D21_DDT02	8,10	80	
8	DH42114528	Nguyễn Quang Hòa	D21_VT01	8,48	80	
9	DH51903286	Dương Nguyên Cơ	D19_TH02	8,26	90	
10	DH51903543	Lê Thị Hậu	D19_TH02	8,47	82	
11	DH51903060	Bé Lăng Duy	D19_TH03	8,29	86	
12	DH51904104	Nguyễn Hiền Nguyên	D19_TH05	8,32	83	
13	DH51901873	Trần Ngọc Thanh Tâm	D19_TH06	8,20	80	
14	DH52006075	Nguyễn Văn Sinh	D20_TH08	8,20	81	
15	DH52006245	Nguyễn Đình Việt	D20_TH10	8,19	89	
16	DH52006863	Vũ Minh Đức	D20_TH11	8,10	86	
17	DH52007011	Thạch Ngọc Gia Huy	D20_TH11	8,07	89	
18	DH52112910	Tăng Tiến Luân	D21_TH06	8,36	83	
19	DH52108750	Phan Thế Quang	D21_TH07	8,33	81	
20	DH52111975	Ngô Quang Trường	D21_TH11	8,03	82	
21	DH52113174	Phạm Nguyễn Thanh Tâm	D21_TH12	8,03	87	
22	DH52112869	Nguyễn Thị Tường Vy	D21_TH12	8,43	85	
23	DH52110526	Châu Nguyễn Trường An	D21_TH14	8,27	83	
24	DH52112016	Trịnh Anh Tuấn	D21_TH14	8,18	81	
25	DH52200848	Phan Vỹ Khang	D22_TH01	8,44	84	
26	DH52201057	Lưu Thái Minh	D22_TH02	8,03	81	
27	DH52201580	Nguyễn Quốc Tịnh	D22_TH02	8,36	82	
28	DH52201070	Nguyễn Thị Trúc My	D22_TH03	8,18	81	
29	DH52200612	Nguyễn Nguyệt Dũng Hà	D22_TH07	8,26	82	
30	DH52200843	Nguyễn Lưu Bảo Khang	D22_TH08	8,13	83	
31	DH52201366	Bùi Nguyễn Sơn	D22_TH08	8,44	85	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
32	DH52200957	Trần Anh Kiệt		D22_TH11	8,28	82	
33	DH52201028	Trần Bảo Long		D22_TH11	8,19	82	
34	DH52201543	Nguyễn Phi Thường		D22_TH12	8,01	85	
35	DH52200935	Bùi Hoàng Kiên		D22_TH15	8,22	84	
36	DH52203917	Trang Mạnh Phúc		D22_TH15	8,14	91	
37	DH61905298	Lê Minh Sang		D19_TP02	8,12	83	
38	DH71904706	Nguyễn Thụy Ngọc Trâm		D19_KD01	8,41	81	
39	DH71901184	Nguyễn Thị Huệ Anh		D19_MAR01	8,02	87	
40	DH71904396	Nguyễn Anh Minh Tài		D19_MAR02	8,03	87	
41	DH71904647	Nguyễn Phùng Minh Tiến		D19_MAR02	8,06	83	
42	DH71902773	Ngô Bội Trân		D19_MAR04	8,04	90	
43	DH71901713	Lê Nguyễn Ngọc Dung		D19_TC01	8,14	90	
44	DH71903601	Nguyễn Hồng Hoa		D19_TC01	8,48	90	
45	DH71903706	Nguyễn Thị Thanh Huyền		D19_TC01	8,33	88	
46	DH71901456	Trần Nguyễn Trúc Linh		D19_TC01	8,14	90	
47	DH71900048	Võ Như Mến		D19_TC01	8,12	87	
48	DH71904161	Nguyễn Đặng Yên Nhi		D19_TC01	8,37	90	
49	DH71904298	Trần Kim Phượng		D19_TC01	8,35	89	
50	DH71901572	Trần Thị Kim Chi		D19_TC02	8,38	88	
51	DH71904998	Nguyễn Thanh Nga		D19_TC02	8,18	81	
52	DH71902932	Ngô Thị Ngọc Nhi		D19_TC02	8,06	81	
53	DH72003575	Phạm Thành Trung		D20_MAR02	8,01	89	
54	DH72007304	Nguyễn An Khang		D20_MAR05	8,26	83	
55	DH72007287	Văn Nguyễn Thị Thu Nga		D20_MAR05	8,62	85	
56	DH72005206	Tăng Kiệt Dinh		D20_TC02	8,36	82	
57	DH72005062	Phạm Thị Kim Ngân		D20_TC02	8,15	82	
58	DH72005588	Trần Thị Kiều Trâm		D20_TC02	8,07	80	
59	DH72006955	Lê Thị Hồng Trang		D20_TC02	8,05	87	
60	DH72004734	Nguyễn Trọng Long		D20_TC03	8,31	85	
61	DH72005473	Lê Nguyễn Phương Quyên		D20_TC03	8,31	95	
62	DH72004908	Nguyễn Thị Tuyết Sương		D20_TC03	8,30	82	
63	DH72005546	Nguyễn Đức Thắng		D20_TC03	8,09	85	
64	DH72007314	Bùi Thịnh Vy		D20_TC03	8,15	84	
65	DH72005654	Đỗ Thanh Xuân		D20_TC03	8,22	83	
66	DH72109717	Lê Thị Hồng Gấm		D21_QT05	8,16	81	
67	DH72113472	Nguyễn Duy Đạt		D21_QT07	8,01	82	
68	DH72114625	Nguyễn Lê Thảo My		D21_QT10	8,47	80	
69	DH72202339	Nguyễn Thị Kim Thân		D22_QT01	8,35	83	
70	DH72202395	Trần Võ Thị Hoài Thương		D22_QT01	8,06	82	
71	DH72202245	Đỗ Thị Yên Nhi		D22_QT05	8,11	83	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
72	DH81902976	Lưu Đức	Chung	D19_XD01	8,04	80	
73	DH81900672	Trần Hải	Đặng	D19_XD01	8,43	85	
74	DH81900233	Đặng Lê Duy	Khang	D19_XD01	8,39	95	
75	DH81901073	Hồ Thị Anh	Thư	D19_XD01	8,35	85	
76	DH81904740	Nguyễn Đăng	Triều	D19_XD01	8,14	88	
77	DH81905462	Lưu Văn	Chiến	D19_XD02	8,00	89	
78	DH81901703	Huỳnh Trần Thiện	Quang	D19_XD02	8,43	84	
79	DH91903473	Lê Ti	Gôn	D19_TK2TT	8,34	83	
80	DH91903548	Nguyễn Văn	Hậu	D19_TK3DH	8,49	84	
81	DH91905583	Hoàng Ngọc Bảo	Khánh	D19_TK4NT	8,01	83	
82	DH92003546	Lương Quốc	Huy	D20_TK3DH	8,13	84	
83	DH92106536	Lê Kim	Yên	D21_TK1TD	8,12	84	
84	DH92109516	Nguyễn Ngọc	Thy	D21_TK3DH2	8,05	80	
85	DH92109518	Trương Huỳnh Minh	Tiến	D21_TK3DH2	8,48	81	
86	DH92107124	Ngô Thanh Ngọc	Phương Uyên	D21_TK3DH2	8,26	80	
87	DH92106074	Nguyễn Ngọc	Nga	D21_TK4NT	8,24	92	
88	DH92202786	Nguyễn Hồng	Phúc	D22_TK3DH2	8,35	82	
89	DH92202848	Nguyễn Vũ Huyền	Trần	D22_TK3DH2	8,24	83	
90	DH92202797	Nguyễn Ngọc Phương	Quyên	D22_TK3DH4	8,39	80	

I. Loại Khá

1	DH11900569	Đỗ Hoài	Ân	D19_CDT01	7,90	88	
2	DH11903280	Lê Văn	Có	D19_CDT01	7,86	89	
3	DH11901082	Lương Khánh	Duy	D19_CDT01	7,16	67	
4	DH11903492	Nguyễn Văn	Hải	D19_CDT01	7,83	90	
5	DH11901177	Mai Nguyễn Xuân	Hòa	D19_CDT01	7,87	85	
6	DH11903664	Nguyễn Minh	Huy	D19_CDT01	7,56	95	
7	DH11903827	Nguyễn Minh	Khuong	D19_CDT01	7,15	79	
8	DH11903960	Phan Thanh	Luân	D19_CDT01	7,00	78	
9	DH11904022	Hoàng Văn	Nam	D19_CDT01	7,36	74	
10	DH11905568	Nguyễn Phương	Nam	D19_CDT01	7,66	76	
11	DH11904362	Phạm Thanh	Sang	D19_CDT01	7,17	71	
12	DH11902515	Lương Xuân	Báo	D19_CDT02	7,20	85	
13	DH11901109	Lương Chí	Cường	D19_CDT02	7,68	83	
14	DH11900826	Đặng Phú	Đông	D19_CDT02	7,82	88	
15	DH11902474	Đỗ Đức	Duy	D19_CDT02	7,79	88	
16	DH11903651	Đặng Ngọc	Huy	D19_CDT02	7,43	85	
17	DH11903864	Trần Hữu	Lâm	D19_CDT02	7,73	93	
18	DH11902193	Phạm Anh	Quân	D19_CDT02	7,25	78	
19	DH11902858	Nguyễn Thành	Sơn	D19_CDT02	7,61	88	
20	DH11904581	Lê Đan	Thuận	D19_CDT02	7,39	74	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
21	DH11905624	Tôn Quang	Trung	D19_CDT02	8,10	75	
22	DH11902512	Nông Mạnh	Tuân	D19_CDT02	7,10	85	
23	DH12001918	Lê Tấn	Lộc	D20_ROAI01	7,12	82	
24	DH12006583	Nguyễn Hữu	Nghĩa	D20_ROAI01	7,53	81	
25	DH12006318	Dương Trần Hưng	Phát	D20_ROAI01	7,24	82	
26	DH12000464	Nguyễn Ngọc	Tuấn	D20_ROAI01	7,00	73	
27	DH12003917	Hồ Khánh	Tường	D20_ROAI01	7,34	83	
28	DH12107857	Phạm Thành	Hung	D21_CDT01	7,06	75	
29	DH12103445	Lê Minh	Tài	D21_CDT01	7,63	92	
30	DH12103680	Nguyễn Chí	Tài	D21_CDT01	7,09	86	
31	DH12102241	Dương Phúc	Tuệ	D21_CDT01	7,48	74	
32	DH12200068	Huỳnh Tiến	Phát	D22_CDT01	7,04	78	
33	DH12200075	Phan Đăng	Phú	D22_CDT01	8,22	68	
34	DH12200007	Nguyễn Văn	Chương	D22_CDT02	7,89	66	
35	DH12200015	Nguyễn Mạnh	Dũng	D22_CDT02	7,02	70	
36	DH31901879	Đào Xuân	Bình	D19_DDT01	7,06	85	
37	DH31900737	Hồ Văn Khánh	Duy	D19_DDT01	7,74	83	
38	DH31904982	Trần Gia	Huy	D19_DDT01	7,31	73	
39	DH31901303	Nguyễn Xuân Nhị	Khuê	D19_DDT01	7,27	84	
40	DH31904002	Thiều Quang	Minh	D19_DDT01	7,99	85	
41	DH31900175	Lương Tấn	Phát	D19_DDT01	7,93	83	
42	DH31901189	Nguyễn Văn	Quyết	D19_DDT01	7,34	85	
43	DH31904476	Nguyễn Tấn	Thành	D19_DDT01	7,70	75	
44	DH31905436	Đặng Đức	Thức	D19_DDT01	8,42	75	
45	DH31904788	Nguyễn Văn	Trường	D19_DDT01	7,30	78	
46	DH32001310	Huỳnh Nhật	Phương	D20_DDT01	7,11	81	
47	DH32006367	Lê Trung	Hiếu	D20_DDT02	7,97	83	
48	DH32006402	Trương Lâm Nhật	Tiến	D20_DDT02	7,33	81	
49	DH32100998	Nguyễn Phú	Hung	D21_DDT01	7,22	69	
50	DH32101063	Võ Hoàng	Phát	D21_DDT01	7,68	75	
51	DH32112343	Nguyễn Tuấn	Kha	D21_DDT02	7,14	77	
52	DH32114554	Nguyễn Anh	Tiên	D21_DDT02	7,41	72	
53	DH32200125	Nguyễn Hoàng	Ân	D22_DDT01	7,61	69	
54	DH32200141	Phan Ngọc	Đình	D22_DDT01	7,63	66	
55	DH32200216	Trần Quốc	Thái	D22_DDT01	7,33	65	
56	DH32200224	Lê Văn	Thuận	D22_DDT01	7,67	71	
57	DH32200239	Phạm Anh	Tuấn	D22_DDT01	7,25	77	
58	DH32200139	Trần Nguyễn Quốc	Đạt	D22_DDT02	7,05	85	
59	DH32200192	Lê Minh	Nghị	D22_DDT02	7,16	75	
60	DH32200223	Huỳnh Thị Minh	Thư	D22_DDT02	7,18	82	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
61	DH32200229	Trần Minh	Toàn	D22_DDT02	7,09	74	
62	DH41902757	Phan Trung	Nghĩa	D19_VT01	7,55	67	
63	DH42006430	Trần Quốc	Kiệt	D20_VT02	7,20	70	
64	DH42120047	Đặng Trần	Lực	D21_VT01	7,50	76	
65	DH42114670	Hồ Nguyễn Hoàng	Phúc	D21_VT01	7,57	73	
66	DH42112483	Bùi Lam	Trường	D21_VT01	7,42	71	
67	DH42200257	Nguyễn Đức	Duy	D22_VT01	7,62	70	
68	DH51900218	Nguyễn Trọng	Hiếu	D19_TH01	7,67	76	
69	DH51900268	Lê Ngọc	Huy	D19_TH01	7,31	76	
70	DH51901532	Nguyễn Nhựt	Huy	D19_TH01	7,16	77	
71	DH51904075	Nguyễn Trọng	Nghĩa	D19_TH01	7,68	81	
72	DH51900713	Dương Ngọc	Nguyên	D19_TH01	7,00	83	
73	DH51900290	Huỳnh Tuấn	Phát	D19_TH01	7,07	71	
74	DH51905519	Hà Trung	Phi	D19_TH01	7,44	77	
75	DH51901355	Hồ Xuân	Thịnh	D19_TH01	8,10	74	
76	DH51904681	Nguyễn Thanh	Trà	D19_TH01	7,90	85	
77	DH51900159	Đặng Thành	Đạt	D19_TH02	7,13	70	
78	DH51905466	Lê Sơn	Hải	D19_TH02	7,87	71	
79	DH51903640	Nguyễn Cao	Hùng	D19_TH02	7,18	70	
80	DH51903858	Lưu Trung	Lâm	D19_TH02	7,22	76	
81	DH51903937	Nguyễn Phúc	Lộc	D19_TH02	7,70	88	
82	DH51904201	Nguyễn Minh	Nhựt	D19_TH02	7,28	71	
83	DH51904204	Trần Minh	Nhựt	D19_TH02	7,04	70	
84	DH51900963	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	D19_TH03	7,60	77	
85	DH51903277	Lương Công	Chương	D19_TH03	7,19	86	
86	DH51904407	Phạm Minh	Tài	D19_TH03	7,76	77	
87	DH51904553	Phạm Quốc	Thịnh	D19_TH03	7,38	69	
88	DH51900558	Nguyễn Trung	Tính	D19_TH03	7,90	82	
89	DH51903397	Đỗ Đức	Đạt	D19_TH04	7,26	71	
90	DH51903669	Nguyễn Quang	Huy	D19_TH04	7,94	76	
91	DH51903876	Đặng Thạnh Nhất	Linh	D19_TH04	7,89	71	
92	DH51903922	Nguyễn Thành	Long	D19_TH04	7,02	70	
93	DH51904321	Phạm Minh	Quân	D19_TH04	7,46	66	
94	DH51904696	Phùng Thị Ngọc	Trang	D19_TH04	7,09	84	
95	DH51904019	Trương Thị Hồng	Mỹ	D19_TH05	7,53	86	
96	DH51904363	Trần Đoàn Thanh	Sang	D19_TH05	7,50	66	
97	DH51901818	Trần Minh	Thuận	D19_TH05	7,26	76	
98	DH51904880	Võ Thúy	Vi	D19_TH05	7,67	86	
99	DH51901148	Đặng Văn	Tuyến	D19_TH06	7,39	76	
100	DH51902035	Trần Nguyễn Hoàng	Huy	D19_TH07	7,77	78	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
101	DH51902544	Nguyễn Thị Thùy Linh	D19_TH07	7,16	68	
102	DH51902450	Trần Thanh Vinh	D19_TH07	7,65	87	
103	DH51903460	Lê Tùng Em	D19_TH08	7,21	78	
104	DH51905093	Nguyễn Hoàng Phong	D19_TH08	7,81	100	
105	DH51905184	Bùi Trung Tình	D19_TH08	7,45	83	
106	DH51905085	Lê Hoàng Tuấn	D19_TH08	7,76	87	
107	DH51903096	Nguyễn Thanh Bằng	D19_TH09	7,72	78	
108	DH51905352	Lương Thanh Công	D19_TH09	7,38	86	
109	DH51905495	Nguyễn Văn Thanh Đức	D19_TH09	8,07	77	
110	DH51905377	Nguyễn Minh Huy	D19_TH09	7,10	95	
111	DH51903672	Nguyễn Quốc Huy	D19_TH09	7,16	79	
112	DH51905324	Ngô Tấn Phát	D19_TH09	7,20	85	
113	DH51904466	Trần Văn Thanh	D19_TH09	7,52	86	
114	DH52000012	Bùi Thị Vân Anh	D20_TH01	7,10	75	
115	DH52000029	Nguyễn Văn Bảo	D20_TH01	8,66	72	
116	DH52000482	Ngô Thái Dương	D20_TH01	7,49	74	
117	DH52000880	Mai Nhật Hào	D20_TH01	8,96	75	
118	DH52000828	Nguyễn Văn Quang	D20_TH01	7,45	75	
119	DH52001349	Lê Hoàng Quốc	D20_TH01	7,59	72	
120	DH52000937	Châu Tấn Tài	D20_TH01	7,80	73	
121	DH52002680	Ngô Duy Tấn	D20_TH01	7,45	70	
122	DH52003201	Ngô Hoài An	D20_TH03	8,71	79	
123	DH52001339	Dương Lê Thành Danh	D20_TH03	7,44	75	
124	DH52001107	Đặng Phạm Gia Hưng	D20_TH03	7,08	71	
125	DH52001833	Nguyễn Phúc Hoàng	D20_TH04	7,31	71	
126	DH52003760	Phan Thị Thu Thảo	D20_TH05	7,46	88	
127	DH52003968	Lý Quốc Thông	D20_TH05	7,29	79	
128	DH52004277	Phạm Tuấn Kiệt	D20_TH06	7,15	70	
129	DH52005662	Phạm Ngọc Nhân ái	D20_TH08	7,29	73	
130	DH52006042	Lê Quang	D20_TH08	7,45	70	
131	DH52006061	Trương Hoàng Quốc	D20_TH08	7,36	71	
132	DH52005738	Hồ Khánh Dương	D20_TH09	7,64	81	
133	DH52004983	Nguyễn Minh Hiếu	D20_TH09	7,16	74	
134	DH52005810	Nguyễn Phi Hiếu	D20_TH09	7,27	79	
135	DH52006058	Dương Trung Quốc	D20_TH09	7,27	76	
136	DH52006097	Văn Bảo Tâm	D20_TH09	8,59	79	
137	DH52006111	Phan Đức Tiến	D20_TH09	7,31	81	
138	DH52006088	Nguyễn Lê Minh Tài	D20_TH10	7,02	81	
139	DH52006168	Hồ Việt Thắng	D20_TH10	7,92	82	
140	DH52006177	Nguyễn Khắc Thế	D20_TH10	7,22	88	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
141	DH52007310	Lê Đình Bảo	Trân	D20_TH10	7,93	83	
142	DH52007049	Nguyễn Hòa Ninh	Đan	D20_TH11	7,81	82	
143	DH52007012	Nguyễn Võ	Tiến	D20_TH11	7,09	80	
144	DH52006707	Lê Thanh	Tuấn	D20_TH11	7,71	70	
145	DH52006712	Nguyễn Việt	Tuấn	D20_TH11	7,19	77	
146	DH52006610	Huỳnh Nhật	Vương	D20_TH11	7,16	82	
147	DH52100001	Nguyễn Văn Trường	An	D21_TH01	7,62	83	
148	DH52103511	Phạm Hữu	Chí	D21_TH01	7,22	73	
149	DH52105426	Nguyễn Lê Tiến	Dũng	D21_TH01	7,52	76	
150	DH52102716	Thái Tín	Khang	D21_TH01	7,44	74	
151	DH52103699	Nguyễn Minh	Luân	D21_TH01	7,83	74	
152	DH52101267	Lưu Ngọc	Lan	D21_TH02	7,40	94	
153	DH52104938	Nguyễn Vũ	Luân	D21_TH02	7,57	81	
154	DH52100465	Nguyễn Ngọc	Minh	D21_TH02	7,96	80	
155	DH52100456	Huỳnh Hoàng	Hải	D21_TH03	7,32	66	
156	DH52102882	Bùi Thanh	Hậu	D21_TH03	7,75	78	
157	DH52106994	Nguyễn Phạm Đăng	Khoa	D21_TH03	8,77	77	
158	DH52101039	Trần Quý	Kiệt	D21_TH03	8,07	68	
159	DH52103494	Trần Thanh	Phương	D21_TH03	7,65	70	
160	DH52100077	Chu Gia	Quyền	D21_TH03	7,34	78	
161	DH52100133	Trần Đình	Thái	D21_TH03	8,16	75	
162	DH52103871	Phạm Minh	Trị	D21_TH03	8,73	71	
163	DH52100999	Phạm Mạnh	Tuấn	D21_TH03	7,99	70	
164	DH52103727	Đào Duy Hoàng	Vương	D21_TH03	7,65	70	
165	DH52101199	Lê Nguyễn Thanh	Bình	D21_TH04	7,28	72	
166	DH52101497	Lê Yên	Đan	D21_TH04	8,07	78	
167	DH52107825	Nguyễn Huỳnh	Đức	D21_TH04	7,69	76	
168	DH52105753	Nguyễn Hồ Minh	Hiển	D21_TH04	7,45	72	
169	DH52106198	Nguyễn Gia	Phú	D21_TH04	7,61	85	
170	DH52100027	Tổng Thiên	Thanh	D21_TH04	9,20	78	
171	DH52107819	Nguyễn Dư Ngọc	Thiện	D21_TH04	7,04	66	
172	DH52110556	Nguyễn Bảo	Anh	D21_TH05	7,13	81	
173	DH52110649	Nguyễn Thành	Công	D21_TH05	7,28	65	
174	DH52107926	Nguyễn Văn	Huy	D21_TH05	7,14	83	
175	DH52108453	Đình Phạm Phú	Khang	D21_TH05	7,39	77	
176	DH52107510	Võ Trung	Kiên	D21_TH05	7,05	78	
177	DH52108592	Huỳnh Khánh	Linh	D21_TH05	7,89	76	
178	DH52111750	Trần Minh	Thành	D21_TH05	7,03	73	
179	DH52108711	Đặng Gia	Bảo	D21_TH06	7,14	73	
180	DH52110694	Đình Ngọc Trần	Duy	D21_TH06	7,33	81	

GIÁO
 ĐOÀN
 ĐOÀN
 ĐOÀN

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
181	DH52100405	Nguyễn Mai Minh	Duy	D21_TH06	7,86	72
182	DH52110839	Lê Thanh	Giang	D21_TH06	8,00	77
183	DH52110894	Trần Ngọc	Hiệp	D21_TH06	7,33	66
184	DH52108662	Huỳnh Huy	Hoàng	D21_TH06	7,61	74
185	DH52108788	Nguyễn Thanh	Phước	D21_TH06	7,26	72
186	DH52108772	Lê Trung	Thịnh	D21_TH06	7,98	79
187	DH52108656	Võ Minh	Thuận	D21_TH06	7,50	79
188	DH52108640	Nguyễn Thanh	Trường	D21_TH06	7,18	84
189	DH52110753	Đặng Tấn	Đạt	D21_TH07	7,52	75
190	DH52102050	Nguyễn Quốc	Hào	D21_TH07	7,11	80
191	DH52110952	Đoàn Việt	Hoàng	D21_TH07	7,58	78
192	DH52111033	Nguyễn Thành	Huy	D21_TH07	7,61	78
193	DH52109172	Nguyễn Thành	Sang	D21_TH07	7,10	74
194	DH52100199	Nguyễn Minh	Tân	D21_TH07	7,00	80
195	DH52109137	Nguyễn Duy	Viễn	D21_TH07	7,03	75
196	DH52112108	Phan Thanh	Vũ	D21_TH07	7,79	76
197	DH52110671	Võ Thành	Danh	D21_TH08	7,27	77
198	DH52110763	Lê Trọng	Đạt	D21_TH08	7,02	79
199	DH52110793	Trịnh Phát	Đạt	D21_TH08	7,49	78
200	DH52110738	Trương Thái	Dương	D21_TH08	7,57	90
201	DH52113395	Võ Ngọc Hà	Giang	D21_TH08	7,19	77
202	DH52111253	Nguyễn Tấn	Lộc	D21_TH08	7,20	81
203	DH52111560	Võ Hoàng	Phúc	D21_TH08	7,11	65
204	DH52113388	Nguyễn Thị Mai	Thy	D21_TH08	7,13	78
205	DH52110937	Nguyễn Thiện	Hòa	D21_TH09	7,63	76
206	DH52110995	Đỗ Quang	Huy	D21_TH09	7,52	76
207	DH52111083	Trần Mai Huy	Khải	D21_TH09	7,00	73
208	DH52111146	Phạm Nguyễn Anh	Khoa	D21_TH09	7,38	82
209	DH52111314	Phan Khánh	Minh	D21_TH09	7,50	80
210	DH52111357	Đặng Minh	Nghĩa	D21_TH09	7,95	92
211	DH52111659	Trần Thanh	Sang	D21_TH09	7,56	80
212	DH52113469	Nguyễn Lê	Đạt	D21_TH10	7,81	84
213	DH52111015	Nguyễn Huỳnh Quốc	Huy	D21_TH10	7,40	76
214	DH52111115	Mai Lâm Quang	Khánh	D21_TH10	7,46	79
215	DH52111147	Trần Hoàng Đăng	Khoa	D21_TH10	7,59	75
216	DH52111509	Nguyễn Thành Tỳ	Phú	D21_TH10	7,65	76
217	DH52111563	Nguyễn Trọng	Phụng	D21_TH10	7,49	76
218	DH52111603	Nguyễn Hoàng Anh	Quân	D21_TH10	7,17	74
219	DH52111612	Trần Nguyễn Hoàng	Quân	D21_TH10	7,33	76
220	DH52111584	Lê Minh	Quang	D21_TH10	7,13	70

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
221	DH52111716	Phan Nhựt Tân	D21_TH10	7,13	74	
222	DH52111737	Cao Tấn Thành	D21_TH10	7,10	67	
223	DH52111753	Viên Tuấn Thành	D21_TH10	7,00	73	
224	DH52111923	Đỗ Minh Trí	D21_TH10	7,06	75	
225	DH52111957	Bùi Ngọc Quốc	D21_TH10	7,63	79	
226	DH52110757	Huỳnh Tấn Đạt	D21_TH11	7,64	71	
227	DH52110848	Vũ Thị Hương	D21_TH11	7,70	89	
228	DH52111201	Phạm Quốc Lân	D21_TH11	7,91	83	
229	DH52113301	Phùng Thiên Tài	D21_TH11	7,55	71	
230	DH52112120	Trần Đức Vượng	D21_TH11	7,77	79	
231	DH52112124	Phạm Thị Khánh Vy	D21_TH11	7,90	82	
232	DH52111285	Nguyễn Văn Lý	D21_TH12	8,12	70	
233	DH52111505	Ngô Triệu Phú	D21_TH12	7,46	70	
234	DH52111824	Đặng Trương Hoàng Thọ	D21_TH12	7,20	73	
235	DH52111904	Nguyễn Minh Toàn	D21_TH12	7,20	75	
236	DH52113550	Nguyễn Văn Toàn	D21_TH12	7,30	81	
237	DH52111947	Nguyễn Hoàng Phương Trinh	D21_TH12	7,21	78	
238	DH52112095	Lê Tuấn Vũ	D21_TH12	7,17	79	
239	DH52110553	Mai Trần Duy Anh	D21_TH13	7,68	79	
240	DH52111288	Đỗ Danh Mạnh	D21_TH13	7,09	79	
241	DH52111695	Nguyễn Văn Tài	D21_TH13	7,54	77	
242	DH52111968	Phạm Thành Trung	D21_TH13	7,10	76	
243	DH52110742	Nguyễn Quốc Đại	D21_TH14	7,83	80	
244	DH52110746	Trần Văn Đan	D21_TH14	7,45	77	
245	DH52110800	Nguyễn Võ Hoàng Hải Đăng	D21_TH14	7,29	78	
246	DH52110860	Thái Doãn Minh Hải	D21_TH14	7,36	71	
247	DH52112800	Đình Tuấn Huy	D21_TH14	7,03	79	
248	DH52111257	Trần Hữu Lộc	D21_TH14	7,23	73	
249	DH52113373	Trương Hữu Nam	D21_TH14	7,10	77	
250	DH52111649	Trào Công Quỳnh	D21_TH14	7,16	82	
251	DH52113047	Phan Đức Thắng	D21_TH14	7,57	75	
252	DH52113755	Đồng Thị Tường Vi	D21_TH14	7,21	84	
253	DH52112079	Nguyễn Đình Vinh	D21_TH14	7,52	80	
254	DH52200383	Trần Ngọc Bích	D22_TH01	7,78	73	
255	DH52200410	Đỗ Thành Chung	D22_TH01	7,68	73	
256	DH52200637	Nguyễn Trí Hào	D22_TH01	7,17	71	
257	DH52200747	Trần Khánh Hưng	D22_TH01	7,42	83	
258	DH52200758	Huỳnh Lai Hữu	D22_TH01	8,72	75	
259	DH52200767	Lại Quang Huy	D22_TH01	7,87	76	
260	DH52200784	Nguyễn Phan Trường Huy	D22_TH01	8,19	74	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
261	DH52200789	Nguyễn Tuấn Huy	D22_TH01	7,17	72	
262	DH52200826	Hồ Tuấn Khải	D22_TH01	8,07	75	
263	DH52200993	Đặng Phước Lộc	D22_TH01	7,72	77	
264	DH52201559	Phạm Quốc Tiến	D22_TH01	7,31	70	
265	DH52200329	Nguyễn Hoàng Mai Anh	D22_TH02	7,61	73	
266	DH52200344	Võ Phương Anh	D22_TH02	7,80	86	
267	DH52200423	Lâm Dũ Cường	D22_TH02	8,37	78	
268	DH52200508	Trần Đình Định	D22_TH02	7,02	80	
269	DH52200627	Nguyễn Thúy Hằng	D22_TH02	7,30	77	
270	DH52200821	Huỳnh Đông Kha	D22_TH02	7,70	86	
271	DH52200948	Ngô Anh Kiệt	D22_TH02	7,28	78	
272	DH52200975	Hoàng Đặng Diệp Lâm	D22_TH02	7,47	75	
273	DH52201002	Phạm Quang Lộc	D22_TH02	7,38	83	
274	DH52201031	Triệu Kim Long	D22_TH02	7,05	84	
275	DH52201081	Nguyễn Văn Nam	D22_TH02	7,57	81	
276	DH52201083	Trần Hoa Nam	D22_TH02	7,88	78	
277	DH52201181	Huỳnh Nguyễn Tấn Phát	D22_TH02	7,63	77	
278	DH52201278	Nguyễn Ngọc Minh Phương	D22_TH02	7,88	86	
279	DH52201435	Lê Duyên Thắng	D22_TH02	7,05	78	
280	DH52201516	Nguyễn Minh Thông	D22_TH02	7,24	83	
281	DH52201527	Trần Thị Minh Thư	D22_TH02	7,00	71	
282	DH52201581	Nguyễn Thị Kim Tỏa	D22_TH02	7,37	77	
283	DH52201590	Nguyễn Việt Toàn	D22_TH02	7,17	79	
284	DH52201638	Trần Hải Trí	D22_TH02	7,89	81	
285	DH52201677	Mai Văn Trường	D22_TH02	7,62	79	
286	DH52200439	Nguyễn Hải Đăng	D22_TH03	7,23	79	
287	DH52200452	Nguyễn Võ Thành Danh	D22_TH03	7,54	71	
288	DH52200499	Trần Tuấn Đạt	D22_TH03	7,44	68	
289	DH52200529	Bùi Hoàng Đức Dũng	D22_TH03	9,01	73	
290	DH52200662	Nguyễn Minh Hiền	D22_TH03	8,07	72	
291	DH52200683	Nguyễn Thanh Hiếu	D22_TH03	8,00	72	
292	DH52201066	Trịnh Nhật Minh	D22_TH03	7,43	68	
293	DH52201253	Phan Hữu Phúc	D22_TH03	7,84	70	
294	DH52201275	Khưu Ngọc Thanh Phương	D22_TH03	9,54	73	
295	DH52201315	Trần Nhựt Quang	D22_TH03	7,91	76	
296	DH52201392	Phạm Hữu Tài	D22_TH03	7,86	71	
297	DH52201412	Trần Thanh Tân	D22_TH03	8,25	74	
298	DH52201451	Tân Khải Thanh	D22_TH03	7,82	68	
299	DH52201475	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	D22_TH03	9,06	72	
300	DH52201569	Nguyễn Trọng Tín	D22_TH03	8,24	73	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
301	DH52201601	Trần Thị Ngọc	Trâm	D22_TH03	7,40	72	
302	DH52201699	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	D22_TH03	8,05	71	
303	DH52201708	Lê Minh	Tuấn	D22_TH03	7,05	68	
304	DH52200311	Phan Nguyễn Hoài	An	D22_TH04	7,77	72	
305	DH52200312	Trần Bảo	An	D22_TH04	7,07	77	
306	DH52200352	Đào Quốc	Bảo	D22_TH04	8,15	69	
307	DH52200412	Dương Nguyên	Chương	D22_TH04	7,16	78	
308	DH52200604	Nguyễn Bá Quỳnh	Giao	D22_TH04	8,34	72	
309	DH52200615	Hồ Đăng Ngọc	Hải	D22_TH04	7,85	76	
310	DH52200700	Nguyễn Thanh	Hoài	D22_TH04	7,76	76	
311	DH52200724	Trần Thái	Học	D22_TH04	7,34	75	
312	DH52200787	Nguyễn Quốc	Huy	D22_TH04	9,38	75	
313	DH52200811	Võ Bùi Đình	Huy	D22_TH04	8,09	67	
314	DH52200876	Nguyễn Minh	Khánh	D22_TH04	8,25	75	
315	DH52200923	Đỗ Tiến Anh	Khôi	D22_TH04	8,39	73	
316	DH52201051	Dương Ngọc Hùng	Minh	D22_TH04	7,19	66	
317	DH52201248	Nguyễn Thanh	Phúc	D22_TH04	7,27	75	
318	DH52201258	Trần Thanh Hoài	Phúc	D22_TH04	8,36	73	
319	DH52201324	Nguyễn Võ Anh	Quốc	D22_TH04	8,02	73	
320	DH52200434	Phan Trọng	Đại	D22_TH05	7,03	67	
321	DH52200712	Nguyễn Đức	Hoàng	D22_TH05	7,72	67	
322	DH52200938	Lê Trung	Kiên	D22_TH05	7,83	77	
323	DH52201132	Trần Thanh	Nhã	D22_TH05	7,57	66	
324	DH52201160	Phạm Yên	Nhi	D22_TH05	7,28	67	
325	DH52201205	Dương Hoài	Phong	D22_TH05	7,48	69	
326	DH52201310	Nguyễn Vinh	Quang	D22_TH05	7,97	68	
327	DH52201384	Nguyễn Đại	Tài	D22_TH05	7,59	65	
328	DH52201450	Nguyễn Văn	Thanh	D22_TH05	7,84	76	
329	DH52201548	Đông Hoàng	Tiến	D22_TH05	8,36	71	
330	DH52201570	Nguyễn Văn	Tín	D22_TH05	7,94	75	
331	DH52201768	Văn Đăng Phúc	Vinh	D22_TH05	8,15	72	
332	DH52200357	Huỳnh Chí	Bảo	D22_TH06	8,07	78	
333	DH52200446	Võ Chung Khánh	Đăng	D22_TH06	7,43	74	
334	DH52201164	Nguyễn Thị Hồng	Như	D22_TH06	7,53	84	
335	DH52201236	Lê Minh	Phúc	D22_TH06	8,61	75	
336	DH52201284	Hoàng Anh	Quân	D22_TH06	7,14	73	
337	DH52201401	Nguyễn Văn	Tâm	D22_TH06	8,01	73	
338	DH52201462	Nguyễn Trường	Thành	D22_TH06	7,95	72	
339	DH52201498	Nguyễn Hồ Phúc	Thịnh	D22_TH06	7,85	76	
340	DH52201536	Nguyễn Văn	Thuận	D22_TH06	7,93	76	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
341	DH52201566	Hồ Văn Tín	D22_TH06	7,99	78	
342	DH52201584	Đặng Bảo Toàn	D22_TH06	7,82	76	
343	DH52201783	Đỗ Ngọc Tường Vy	D22_TH06	7,95	68	
344	DH52200300	Ngô Dương Hoàng An	D22_TH07	7,85	77	
345	DH52200573	Nguyễn Quốc Duy	D22_TH07	7,53	70	
346	DH52200651	Nguyễn Trung Hậu	D22_TH07	7,70	79	
347	DH52200988	Phan Vũ Linh	D22_TH07	7,60	74	
348	DH52201005	Trần Tấn Lộc	D22_TH07	7,68	67	
349	DH52201054	Lê Phương Minh	D22_TH07	7,62	71	
350	DH52201096	Lý Hậu Nghĩa	D22_TH07	7,00	66	
351	DH52201259	Trần Trọng Phúc	D22_TH07	8,32	77	
352	DH52201267	Đỗ Hoàng Phước	D22_TH07	7,47	72	
353	DH52201271	Trần Hữu Phước	D22_TH07	7,34	71	
354	DH52201326	Trần ái Quốc	D22_TH07	8,22	73	
355	DH52201400	Nguyễn Minh Tâm	D22_TH07	8,65	76	
356	DH52201443	Trương Minh Thắng	D22_TH07	7,30	65	
357	DH52200332	Nguyễn Tuấn Anh	D22_TH08	7,22	82	
358	DH52200405	Nguyễn Ngọc Châu	D22_TH08	7,40	80	
359	DH52200431	Nguyễn Cường Đại	D22_TH08	7,34	87	
360	DH52200682	Nguyễn Khánh Hiếu	D22_TH08	7,16	76	
361	DH52200736	Nguyễn Bùi Phúc Hưng	D22_TH08	7,09	71	
362	DH52200742	Phạm Huỳnh Thanh Hưng	D22_TH08	7,50	78	
363	DH52200762	Đình Viết Huy	D22_TH08	7,84	91	
364	DH52200803	Trần Gia Huy	D22_TH08	7,68	79	
365	DH52201067	Trương Ngọc Minh	D22_TH08	7,55	77	
366	DH52201126	Trần Trung Nguyên	D22_TH08	7,77	79	
367	DH52201173	Chong Tuấn Phát	D22_TH08	7,47	83	
368	DH52201225	Võ Thiên Phú	D22_TH08	7,86	72	
369	DH52201294	Nguyễn Mạnh Quân	D22_TH08	7,63	83	
370	DH52201348	Lê Thị Mỹ Quỳnh	D22_TH08	7,22	86	
371	DH52201501	Nguyễn Hữu Xuân Thịnh	D22_TH08	7,37	95	
372	DH52201541	Nguyễn Duy Thức	D22_TH08	7,77	84	
373	DH52200737	Nguyễn Hoàng Hưng	D22_TH09	7,63	72	
374	DH52200960	Võ Gia Kiệt	D22_TH09	7,45	69	
375	DH52200978	Phan Công Lập	D22_TH09	7,84	69	
376	DH52201127	Trương Nhã Nguyên	D22_TH09	8,18	67	
377	DH52201371	Nguyễn Hùng Thanh Sơn	D22_TH09	8,53	73	
378	DH52201397	Võ Văn Tài	D22_TH09	7,27	69	
379	DH52201398	Vương Thái Tài	D22_TH09	8,50	75	
380	DH52201413	Đặng Mạnh Tấn	D22_TH09	7,60	77	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
381	DH52201438	Nguyễn Quang	Thắng	D22_TH09	7,60	68
382	DH52201470	Võ Thị Xuân	Thao	D22_TH09	7,33	75
383	DH52201488	Trần Quang	Thiện	D22_TH09	7,96	72
384	DH52201510	Võ Thị Kiều	Thơ	D22_TH09	7,56	67
385	DH52201743	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	D22_TH09	7,21	71
386	DH52200308	Nguyễn Văn	An	D22_TH10	7,00	70
387	DH52200450	Lâm Công	Danh	D22_TH10	7,96	72
388	DH52200580	Nguyễn Việt	Duy	D22_TH10	7,81	95
389	DH52200771	Lê Thanh	Huy	D22_TH10	7,03	71
390	DH52200802	Thái Văn	Huy	D22_TH10	7,01	69
391	DH52201112	Đoàn Lê Hoàng	Nguyên	D22_TH10	7,16	75
392	DH52201154	Nguyễn Xuân Long	Nhật	D22_TH10	7,03	71
393	DH52201163	Nguyễn Thị Hồng	Nhu	D22_TH10	8,31	72
394	DH52201204	Đỗ Thanh	Phong	D22_TH10	7,36	75
395	DH52201328	Hồ Phú	Quý	D22_TH10	7,49	74
396	DH52201333	Phạm Thiên Phú	Quý	D22_TH10	7,26	69
397	DH52201683	Nguyễn Văn	Trường	D22_TH10	7,29	69
398	DH52200374	Phan Trần Thái	Bảo	D22_TH11	8,97	76
399	DH52200404	Lâm Bảo	Châu	D22_TH11	7,33	80
400	DH52200442	Nguyễn Khánh	Đặng	D22_TH11	7,09	65
401	DH52200511	Phạm Hữu	Đời	D22_TH11	7,80	71
402	DH52200666	Lâm Đức	Hiệp	D22_TH11	7,39	68
403	DH52200740	Nguyễn Tấn	Hưng	D22_TH11	7,13	69
404	DH52200933	Phan Nguyễn An	Khuong	D22_TH11	8,29	76
405	DH52201211	Nguyễn Trần Nam	Phong	D22_TH11	7,46	75
406	DH52201684	Nguyễn Xuân	Trường	D22_TH11	8,65	78
407	DH52200306	Nguyễn Phú Quốc	An	D22_TH12	7,25	71
408	DH52200321	Đào Duy	Anh	D22_TH12	7,27	70
409	DH52200720	Trần Huy	Hoàng	D22_TH12	7,48	72
410	DH52200994	Huỳnh Hữu	Lộc	D22_TH12	7,03	74
411	DH52201157	Lương Tuệ	Nhi	D22_TH12	7,40	74
412	DH52200384	Trần Chánh	Biện	D22_TH13	7,29	69
413	DH52200775	Mè Thái	Huy	D22_TH13	8,72	75
414	DH52200813	Võ Thanh	Huy	D22_TH13	7,06	71
415	DH52200953	Phạm Tuấn	Kiệt	D22_TH13	7,10	67
416	DH52201272	Đặng Quang	Phuong	D22_TH13	9,03	74
417	DH52201305	Nguyễn Đức	Quang	D22_TH13	7,16	75
418	DH52201408	Hà Võ Thanh	Tân	D22_TH13	7,07	81
419	DH52201517	Võ Minh	Thông	D22_TH13	7,65	67
420	DH52201671	Nguyễn Thành	Trung	D22_TH13	7,97	66

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
421	DH52201758	Nguyễn Lê Quang Vinh	D22_TH13	7,51	75	
422	DH52200564	Nguyễn Bá Nhật Duy	D22_TH14	7,03	66	
423	DH52200992	Chu Văn Lộc	D22_TH14	7,11	66	
424	DH52201226	Đặng Hải Hoàng Phúc	D22_TH14	7,30	76	
425	DH52201389	Nguyễn Thành Tài	D22_TH14	7,34	74	
426	DH52201156	Lê Nguyễn Bảo Nhi	D22_TH15	7,61	87	
427	DH52201264	Hồ Khôi Phục	D22_TH15	7,48	79	
428	DH61903296	Lưu Chí Cường	D19_TP01	7,30	67	
429	DH61903711	Trần Thị Ngọc Huyền	D19_TP01	7,09	65	
430	DH61900747	Lương Thị Thúy Huỳnh	D19_TP01	7,74	83	
431	DH61904166	Nguyễn Thị Yên Nhi	D19_TP01	7,58	73	
432	DH61905279	Nguyễn Thị Diễm Sương	D19_TP01	7,67	73	
433	DH61904418	Nguyễn Thị Thu Tâm	D19_TP01	7,58	81	
434	DH61900748	Châu Thị Bảo Trân	D19_TP01	8,14	79	
435	DH61900427	Đặng Ngọc Minh Châu	D19_TP02	7,18	84	
436	DH61900582	Nguyễn Kiều Diễm	D19_TP02	7,19	83	
437	DH61903362	Phạm Minh Duy	D19_TP02	7,15	73	
438	DH61902201	Lê Thị Nhã Trân	D19_TP02	7,25	83	
439	DH61904795	Đặng Thị Cẩm Tú	D19_TP02	7,33	95	
440	DH61901198	Lâm Thị Cẩm Tú	D19_TP02	7,12	83	
441	DH61902833	Nguyễn Thị Vy	D19_TP02	7,09	97	
442	DH61902245	Nguyễn Thị Hải Yên	D19_TP02	7,70	82	
443	DH62002267	Phan Thị Phương Dung	D20_TP01	7,55	84	
444	DH62001078	Đỗ Thị Quỳnh Như	D20_TP01	7,16	89	
445	DH62006496	Võ Thị Kim Thanh	D20_TP02	7,12	82	
446	DH62006505	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	D20_TP02	7,38	79	
447	DH62112522	Lê Thụy Minh Hương	D21_TP01	7,11	88	
448	DH62108791	Lê Công Lập	D21_TP01	7,33	79	
449	DH62112554	Nguyễn Thị Như Ngọc	D21_TP01	7,92	84	
450	DH62105062	Lê Đặng Phương Thảo	D21_TP01	7,33	76	
451	DH62201804	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	D22_TP01	7,15	73	
452	DH62201840	Bùi Nhã Minh	D22_TP01	7,70	75	
453	DH62201811	Võ Thị Hoàng Diệu	D22_TP02	7,22	72	
454	DH62201816	Dương Bích Hạ	D22_TP02	7,96	73	
455	DH62201823	Lê Anh Huy	D22_TP02	7,17	85	
456	DH62201861	Cao Phúc	D22_TP02	8,34	71	
457	DH62201865	Bùi Mỹ Phụng	D22_TP02	7,35	65	
458	DH62201893	Nguyễn Hoàng Tú Uyên	D22_TP02	7,15	69	
459	DH71900098	Nguyễn Văn Cường	D19_KD01	7,39	72	
460	DH71903626	Nguyễn Quốc Hoàn	D19_KD01	7,23	84	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
461	DH71904983	Phạm Thị Kia	D19_KD01	7,89	80	
462	DH71903980	Lê Thị Mai	D19_KD01	7,73	82	
463	DH71905322	Lê Nguyễn Tuyết Ngân	D19_KD01	8,00	79	
464	DH71904416	Lý Minh Tâm	D19_KD01	7,56	72	
465	DH71905586	Nguyễn Hoàng Thanh Thảo	D19_KD01	7,77	79	
466	DH71900394	Phạm Thị Ngọc Thúy	D19_KD01	7,62	78	
467	DH71903250	Lê Thị Huyền Châu	D19_KD02	7,32	73	
468	DH71902197	Trần Thị Hào	D19_KD02	7,69	81	
469	DH71905107	Trần Thị Mỹ Hồng	D19_KD02	7,25	85	
470	DH71905310	Lê Viết Tuấn	D19_KD02	7,04	83	
471	DH71900513	Nguyễn Thị Minh An	D19_MAR01	7,32	82	
472	DH71901050	Nguyễn Kim ánh	D19_MAR01	7,01	74	
473	DH71901180	Trần Tú Hồng	D19_MAR01	7,58	80	
474	DH71903049	Vương Nguyễn Anh Kiệt	D19_MAR01	7,02	71	
475	DH71700042	Lê Văn Hoàng Lâm	D19_MAR01	8,00	73	
476	DH71903055	Ngô Hương Ly	D19_MAR01	7,91	77	
477	DH71901587	Lê Diễm My	D19_MAR01	7,60	82	
478	DH71904018	Lê Phú Mỹ	D19_MAR01	7,74	81	
479	DH71900306	Lê Hoàng Kim Ngân	D19_MAR01	7,98	88	
480	DH71904372	Bùi Xuân Sơn	D19_MAR01	7,12	75	
481	DH71901643	Phan Thị Kim Thảo	D19_MAR01	7,12	74	
482	DH71905612	Huỳnh Trọng Tín	D19_MAR01	7,06	76	
483	DH71901395	Nguyễn Lê Bảo Trân	D19_MAR01	7,84	87	
484	DH71901777	Phan Thị Mai Trân	D19_MAR01	7,55	80	
485	DH71900205	Trần Thảo Vy	D19_MAR01	7,64	81	
486	DH71900338	Nguyễn Phước Tuấn Kiệt	D19_MAR02	7,89	83	
487	DH71905022	Nguyễn Thị Thùy Linh	D19_MAR02	7,92	83	
488	DH71900688	Nguyễn Phan Trúc Mai	D19_MAR02	7,52	77	
489	DH71904048	Nguyễn Đoàn Thanh Ngân	D19_MAR02	7,01	71	
490	DH71900353	Đoàn Thị Quỳnh Như	D19_MAR02	7,65	83	
491	DH71904597	Trương Thị Thanh Thùy	D19_MAR02	7,11	65	
492	DH71900400	Nguyễn Thị Huế Trân	D19_MAR02	7,28	72	
493	DH71900011	Võ Thị Kiều Trinh	D19_MAR02	7,02	80	
494	DH71901392	Lê Thị Thanh Hiền	D19_MAR03	7,10	74	
495	DH71905108	Trương Yên Linh	D19_MAR03	7,69	93	
496	DH71901146	Phan Thùy Tuyết Nhi	D19_MAR03	7,35	73	
497	DH71902093	Lý Trí Quang	D19_MAR03	7,68	95	
498	DH71905333	Nguyễn Thị Bích Thơ	D19_MAR03	7,30	69	
499	DH71905318	Lê Vĩnh Thụy	D19_MAR03	7,08	71	
500	DH71903014	Nguyễn Thị Mỹ Xuyên	D19_MAR03	7,04	76	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
501	DH71902673	Nguyễn Thị Hoàng Yên	D19_MAR03	7,25	74	
502	DH71905253	Huỳnh Thị Thúy An	D19_MAR04	7,72	90	
503	DH71902722	Nguyễn Minh Anh	D19_MAR04	7,35	85	
504	DH71905254	Nguyễn Ngọc Hân	D19_MAR04	7,86	80	
505	DH71902887	Võ Thụy Diễm Hằng	D19_MAR04	7,89	80	
506	DH71902191	Đặng Chí Hưng	D19_MAR04	7,25	80	
507	DH71902872	Nguyễn Chí Khang	D19_MAR04	7,76	90	
508	DH71905302	Nguyễn Hữu Khánh	D19_MAR04	7,09	80	
509	DH71902613	Nguyễn Hoàng Cẩm Ly	D19_MAR04	7,20	90	
510	DH71901827	Lê Thị Thảo Nguyên	D19_MAR04	7,63	90	
511	DH71905246	Vũ Văn Thùy	D19_MAR04	7,10	78	
512	DH71904633	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	D19_MAR04	7,07	90	
513	DH71902604	Trần Thảo Trân	D19_MAR04	7,64	90	
514	DH71902939	Nguyễn Minh Trí	D19_MAR04	7,66	90	
515	DH71905539	Nguyễn Trần Anh Tuấn	D19_MAR04	7,85	88	
516	DH71902736	Trịnh Hà Vi	D19_MAR04	7,74	90	
517	DH71900022	Võ Ngọc Hoàng Châu	D19_TC01	7,71	86	
518	DH71900865	Nguyễn Thị Thùy Dương	D19_TC01	7,34	83	
519	DH71902967	Nguyễn Thị Hồng Gấm	D19_TC01	7,99	92	
520	DH71903553	Nguyễn Thị Cẩm Hiền	D19_TC01	7,67	84	
521	DH71905018	Võ Thị Thùy Huyền	D19_TC01	7,70	87	
522	DH71903709	Tổng Thụy Mai Huyền	D19_TC01	7,88	83	
523	DH71904149	Châu Huỳnh Nhi	D19_TC01	7,41	86	
524	DH71904162	Nguyễn Hồng Yên Nhi	D19_TC01	7,80	82	
525	DH71900243	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	D19_TC01	7,61	90	
526	DH71901573	Hồ Thị Kiều Oanh	D19_TC01	7,00	83	
527	DH71901301	Lê Thị Diễm Phương	D19_TC01	7,58	83	
528	DH71904337	Đào Thị Thúy Quyên	D19_TC01	7,36	76	
529	DH71904503	Phan Thị Hồng Thắm	D19_TC01	7,13	82	
530	DH71901563	Huỳnh Thị Minh Thanh	D19_TC01	7,65	81	
531	DH71904521	Hậu Tuệ Thi	D19_TC01	7,24	86	
532	DH71904528	Phạm Thị Mai Thi	D19_TC01	7,37	87	
533	DH71901856	Lê Chí Thức	D19_TC01	7,01	75	
534	DH71904606	Trần Thanh Thúy	D19_TC01	7,19	84	
535	DH71904759	Nguyễn Thanh Trúc	D19_TC01	7,98	90	
536	DH71900028	Ngô Thị Cẩm Tú	D19_TC01	7,49	86	
537	DH71901915	Nguyễn Phạm Thị Cẩm Tú	D19_TC01	7,91	83	
538	DH71904838	Phan Thị Ngọc Tuyền	D19_TC01	7,44	81	
539	DH71900012	Lê Thị Tường Vy	D19_TC01	7,95	83	
540	DH71905232	Trần Thị ái Duyên	D19_TC02	7,53	73	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
541	DH71901950	Nguyễn Thị Mỹ	Dy	D19_TC02	7,39	78	
542	DH71905598	Phạm Lê	Khang	D19_TC02	7,24	81	
543	DH71905611	Hồ Trần Trường	Ngân	D19_TC02	7,30	81	
544	DH71901943	Lương Thị Kim	Ngân	D19_TC02	7,09	71	
545	DH71902340	Võ Thị Thanh	Ngân	D19_TC02	7,25	90	
546	DH71900310	Huỳnh Kiều	Oanh	D19_TC02	7,78	82	
547	DH71905428	Lý Hồ Thuận	Phát	D19_TC02	7,70	74	
548	DH71900883	Võ Thị Ngọc	Quý	D19_TC02	7,51	68	
549	DH71902466	Lương Nguyễn Minh	Thư	D19_TC02	7,27	65	
550	DH71900835	Đoàn Thị Thủy	Tiên	D19_TC02	7,17	81	
551	DH71900091	Phùng Ngọc	Tường	D19_TC02	7,21	78	
552	DH71905053	Huỳnh Nguyễn Trúc	Vy	D19_TC02	7,14	70	
553	DH71904969	Cao Thị	Yến	D19_TC02	7,63	76	
554	DH72002715	Trương Cao	Cường	D20_KD01	7,52	81	
555	DH72000634	Đoàn Thị Tuyết	Hân	D20_KD01	8,28	76	
556	DH72001350	Lê Thị Ngọc	Hiếu	D20_KD01	7,91	74	
557	DH72002128	Bửu Lê Kim	Ngân	D20_KD01	7,87	72	
558	DH72003175	Nguyễn Bảo	Ngân	D20_KD01	7,30	77	
559	DH72002993	Trần Thị Thảo	Ngân	D20_KD01	7,93	81	
560	DH72003292	Lê Thị Bảo	Ngọc	D20_KD01	7,27	72	
561	DH72001130	Lê Trần Hồng	Như	D20_KD01	7,32	89	
562	DH72002425	Võ Phạm Ngọc	Trâm	D20_KD01	7,04	69	
563	DH72003326	Hồ Thị Thủy	Trúc	D20_KD01	7,56	84	
564	DH72003815	Trần Tố	Tuyên	D20_KD01	7,16	82	
565	DH72002186	Phạm Đặng Như	ý	D20_KD01	7,40	75	
566	DH72007010	Phạm Chí	Bảo	D20_KD02	7,76	77	
567	DH72005345	Giang Hải	Luân	D20_KD02	7,45	76	
568	DH72006933	Hà Thị	Mỹ	D20_KD02	7,00	74	
569	DH72005368	Lê Hoàng	Mỹ	D20_KD02	7,24	84	
570	DH72006875	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	D20_KD02	7,51	78	
571	DH72007028	Nguyễn Bích	Ngọc	D20_KD02	7,34	73	
572	DH72006960	Lê Thị ánh	Nhi	D20_KD02	7,20	85	
573	DH72005460	Hứa Thị Thanh	Phương	D20_KD02	7,81	77	
574	DH72005463	Nguyễn Phước Thu	Phương	D20_KD02	7,05	70	
575	DH72007327	Dương Thị Ngọc	Trâm	D20_KD02	7,52	81	
576	DH72004580	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	D20_MAR01	7,05	71	
577	DH72007361	Nguyễn Thị Tuyết	Loan	D20_MAR01	8,10	78	
578	DH72004686	Nguyễn Thanh	Nga	D20_MAR01	7,33	78	
579	DH72002148	Nguyễn Thị Thủy	Duyên	D20_MAR02	7,09	84	
580	DH72002890	Đặng Thị	Huế	D20_MAR02	7,38	76	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
581	DH72001128	Đỗ Tấn	Phát	D20_MAR02	7,67	77	
582	DH72003300	Nguyễn Thị Mai	Phương	D20_MAR02	7,08	74	
583	DH72002231	Nguyễn Đỗ Phương	Trâm	D20_MAR02	7,08	80	
584	DH72005041	Đỗ Thị Huệ	Anh	D20_MAR03	7,10	74	
585	DH72005176	Trương Bảo	Anh	D20_MAR03	7,67	71	
586	DH72004208	Nguyễn Hữu	Lợi	D20_MAR03	7,99	73	
587	DH72001217	Huỳnh Ngô Mai	Phương	D20_MAR03	7,52	77	
588	DH72002260	Lê Thị Yên	Quỳnh	D20_MAR03	7,23	79	
589	DH72005562	Nguyễn Trung	Thuận	D20_MAR03	7,00	79	
590	DH72005573	Nguyễn Ngọc Hoài	Thương	D20_MAR03	7,15	70	
591	DH72000197	Lê Huy	Trưởng	D20_MAR03	7,12	85	
592	DH72004465	Nguyễn Thu	Yến	D20_MAR03	7,06	71	
593	DH72005256	Nguyễn Thị Thu	Hàng	D20_MAR04	7,20	92	
594	DH72005312	Mai Hữu	Khanh	D20_MAR04	7,42	79	
595	DH72005365	Trịnh Thị	My	D20_MAR04	7,15	88	
596	DH72005429	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	D20_MAR04	7,20	84	
597	DH72004991	Trần Thị Bích	Phương	D20_MAR04	7,34	82	
598	DH72005528	Phan Bảo	Thái	D20_MAR04	7,55	79	
599	DH72003873	Phạm Hồng	Thư	D20_MAR04	7,54	79	
600	DH72005598	Phạm Như	Trí	D20_MAR04	7,90	94	
601	DH72005612	Trần Thị Mỹ	Trình	D20_MAR04	7,68	81	
602	DH72005520	Cao Thanh	Tuyền	D20_MAR04	7,40	86	
603	DH72006991	Hoàng Phước Dân	An	D20_MAR05	7,56	77	
604	DH72006818	Nguyễn Thị Vân	Anh	D20_MAR05	7,51	75	
605	DH72006903	Đặng Ngọc Minh	Đức	D20_MAR05	7,28	100	
606	DH72006587	Trần Duy	Đức	D20_MAR05	7,78	88	
607	DH72006628	Nguyễn Thị Bạch	Dương	D20_MAR05	7,50	71	
608	DH72007132	Đặng Nguyễn Khánh	Hà	D20_MAR05	7,68	75	
609	DH72006915	Lương Đặng Quỳnh	Hương	D20_MAR05	7,46	84	
610	DH72006909	Hoàng Thị Thanh	Loan	D20_MAR05	7,68	78	
611	DH72007224	Bàn Ngọc	Long	D20_MAR05	7,42	79	
612	DH72007271	Đặng Thị Thu	Mai	D20_MAR05	7,88	82	
613	DH72005369	Lê Thị Kim	Mỹ	D20_MAR05	7,77	78	
614	DH72007036	Đặng Thị Kim	Ngân	D20_MAR05	7,29	76	
615	DH72006745	Đoàn Thị Thúy	Ngân	D20_MAR05	7,32	73	
616	DH72006944	Phạm Trung	Nhân	D20_MAR05	7,68	76	
617	DH72007317	Thái Duy	Phú	D20_MAR05	7,20	73	
618	DH72005451	Phan Hoàng Gia	Phúc	D20_MAR05	7,34	70	
619	DH72006978	Nguyễn Quốc	Thắng	D20_MAR05	7,00	75	
620	DH72006595	Đỗ Thị Cẩm	Tiên	D20_MAR05	7,44	73	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
621	DH72007109	Ngô Minh Tuấn	D20_MAR05	7,63	70	
622	DH72007063	Nguyễn Thị Kim Tuyền	D20_MAR05	7,33	74	
623	DH72007086	Đào Kim Yên	D20_MAR05	7,06	71	
624	DH72001383	Võ Lê Linh Đan	D20_TC01	7,31	84	
625	DH72001262	Phạm Bích Ngọc	D20_TC01	7,61	73	
626	DH72001665	Cao Nguyễn Thu Thảo	D20_TC01	7,06	81	
627	DH72002914	Hoàng Thị Ngọc Trâm	D20_TC01	7,59	80	
628	DH72001147	Đoàn Thanh Tuấn	D20_TC01	7,41	84	
629	DH72005175	Trần Duy Anh	D20_TC02	7,15	82	
630	DH72005240	Trương Minh Quỳnh Giang	D20_TC02	7,77	74	
631	DH72006767	Mai Thị Phương Hà	D20_TC02	7,33	82	
632	DH72006934	Nguyễn Hoài Ly	D20_TC02	7,41	75	
633	DH72005354	Trần Thị Thanh Mai	D20_TC02	7,58	80	
634	DH72006602	Huỳnh Trung Nghĩa	D20_TC02	7,30	76	
635	DH72005404	Trần Thị Bích Ngọc	D20_TC02	7,12	73	
636	DH72006670	Huỳnh Thị Yến Nhi	D20_TC02	7,79	87	
637	DH72006998	Châu Tuấn Phúc	D20_TC02	7,45	72	
638	DH72006936	Vũ Thị Quyên	D20_TC02	7,15	75	
639	DH72004129	Trần Thái Thanh	D20_TC02	8,20	72	
640	DH72003528	Hoàng Khắc Thành	D20_TC02	7,16	70	
641	DH72006617	Mai Huỳnh Thanh Thảo	D20_TC02	7,72	86	
642	DH72005544	Nguyễn Kim Phương Thảo	D20_TC02	7,89	79	
643	DH72007043	Nguyễn Phạm Phương Thảo	D20_TC02	7,95	87	
644	DH72007031	Lương Nữ Kiều Tiên	D20_TC02	7,19	87	
645	DH72006633	Nguyễn Minh Tuấn	D20_TC02	7,96	82	
646	DH72005657	Trần Thị Mỹ Xuyên	D20_TC02	7,58	80	
647	DH72005181	Nguyễn Thanh Minh Bách	D20_TC03	7,60	77	
648	DH72004735	Bùi Tấn Đạt	D20_TC03	7,15	80	
649	DH72005224	Phạm Thị Thúy Dương	D20_TC03	7,56	81	
650	DH72007414	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	D20_TC03	7,98	76	
651	DH72006800	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	D20_TC03	7,30	87	
652	DH72005271	Nguyễn Thị Ngọc Hiếu	D20_TC03	7,57	81	
653	DH72002643	Viên Ngọc Trâm Hoa	D20_TC03	7,07	71	
654	DH72007108	Nguyễn Huỳnh Thảo Hương	D20_TC03	7,69	85	
655	DH72006870	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	D20_TC03	7,76	88	
656	DH72005411	Trần Phương Nguyên	D20_TC03	7,58	77	
657	DH72005414	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	D20_TC03	7,64	72	
658	DH72005465	Trần Nguyễn Như Phương	D20_TC03	7,10	79	
659	DH72005488	Đoàn Thu Sương	D20_TC03	7,76	84	
660	DH72003265	Đào Thị Phương Thảo	D20_TC03	7,49	84	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
661	DH72007357	Nguyễn Ngọc Thảo	D20_TC03	7,84	81	
662	DH72005575	Nguyễn Thị Vân Thy	D20_TC03	7,41	86	
663	DH72106126	Nguyễn Thị Lan Anh	D21_QT01	7,30	79	
664	DH72100109	Nguyễn Thị Trung ánh	D21_QT01	7,45	81	
665	DH72100013	Huỳnh Bửu Doanh	D21_QT01	7,43	77	
666	DH72111005	Lê Anh Huy	D21_QT01	7,28	67	
667	DH72105212	Nguyễn Thị Phương Huyền	D21_QT01	7,27	96	
668	DH72100135	Nguyễn Thị Thùy Tiên	D21_QT01	7,71	82	
669	DH72100193	Nguyễn Trịnh Thanh Trúc	D21_QT01	7,23	75	
670	DH72100229	Đoàn Phương Dung	D21_QT02	7,14	80	
671	DH72104786	Nguyễn Lê Chí Hiếu	D21_QT02	7,25	90	
672	DH72103324	Trần Tiến Minh Khang	D21_QT02	7,07	72	
673	DH72104542	Nguyễn Thị ánh Loan	D21_QT02	7,70	79	
674	DH72101483	Phan Hồng Phương	D21_QT02	7,16	81	
675	DH72109035	Phạm Thị Quỳnh Hoa	D21_QT03	7,73	77	
676	DH72105969	Huỳnh Đông Lai	D21_QT03	7,97	80	
677	DH72106636	Nguyễn Hữu Toàn	D21_QT03	7,65	76	
678	DH72107687	Phạm Thị Anh Đào	D21_QT04	7,49	83	
679	DH72100023	Trần Thành Đạt	D21_QT04	7,06	82	
680	DH72104586	Trần Yên Hằng	D21_QT04	7,15	72	
681	DH72100105	Lê Thị Thùy Ngân	D21_QT04	7,61	80	
682	DH72107781	Phạm Dương Uyên Nhi	D21_QT04	7,58	77	
683	DH72108817	Nguyễn Đào Gia Phụng	D21_QT04	7,26	87	
684	DH72101230	Quan Quốc Uy	D21_QT04	7,79	94	
685	DH72109592	Phi Lê Ngọc An	D21_QT05	7,16	77	
686	DH72109636	Trương Nguyễn Gia Bảo	D21_QT05	7,02	68	
687	DH72109663	Đỗ Tiến Danh	D21_QT05	7,74	79	
688	DH72109755	Phan Thị Thu Hằng	D21_QT05	7,95	79	
689	DH72109842	Nguyễn Quang Huy	D21_QT05	7,21	69	
690	DH72109901	Lê Thị Thúy Kiều	D21_QT05	7,81	77	
691	DH72109090	Trương Thị Trúc Ly	D21_QT05	7,41	84	
692	DH72108938	Hồ Hoàng Mên	D21_QT05	7,30	88	
693	DH72109989	Nguyễn Gia Minh	D21_QT05	7,63	84	
694	DH72110105	Trương Hồng Nhung	D21_QT05	7,58	87	
695	DH72110363	Cù Nguyễn Ngọc Trâm	D21_QT05	7,10	74	
696	DH72110437	Hà Thanh Tuyền	D21_QT05	7,30	83	
697	DH72113335	Lê Thụy Ngọc Diễm	D21_QT06	7,37	81	
698	DH72109787	Trần Thị Hiền	D21_QT06	7,69	78	
699	DH72109796	Âu Mỹ Hoa	D21_QT06	7,83	76	
700	DH72109919	Chung Hoàng Linh	D21_QT06	7,15	80	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
701	DH72109932	Nguyễn Thị Ngọc Linh	D21_QT06	7,19	78	
702	DH72114652	Kiều Doãn Lưu	D21_QT06	7,14	71	
703	DH72110143	Nguyễn Trọng Phúc	D21_QT06	7,39	71	
704	DH72110266	Nguyễn Thị Hồng Thắm	D21_QT06	7,33	77	
705	DH72114549	Trần Đình Minh Tuyên	D21_QT06	7,32	83	
706	DH72110467	Huỳnh Ngọc Tuyết Vân	D21_QT06	7,84	76	
707	DH72109754	Nguyễn Thị Thúy Hằng	D21_QT07	7,83	73	
708	DH72109777	Trần Thị Thu Hậu	D21_QT07	7,05	89	
709	DH72113534	Phạm Thị Kiều Loan	D21_QT07	7,48	76	
710	DH72110029	Phụng Châu Tuyết Ngân	D21_QT07	8,05	76	
711	DH72110098	Lê Thị Hồng Nhung	D21_QT07	7,66	78	
712	DH72110122	Lê Trần Han Ny	D21_QT07	7,44	71	
713	DH72110139	Mai Trọng Phúc	D21_QT07	7,03	93	
714	DH72110189	Võ Thị Hoàn Quyên	D21_QT07	7,74	76	
715	DH72110213	Vũ Cao Sáng	D21_QT07	7,69	71	
716	DH72110254	Nguyễn Thị Thu Thảo	D21_QT07	7,84	79	
717	DH72110395	Dương Ngọc Thanh Trúc	D21_QT07	7,05	74	
718	DH72110470	Nguyễn Thị Cẩm Vân	D21_QT07	7,98	79	
719	DH72110491	Lê Kiều Vy	D21_QT07	7,08	72	
720	DH72113728	Trịnh Quốc Hoàn Cầu	D21_QT08	7,34	66	
721	DH72113737	Mai Thành Đạt	D21_QT08	8,00	78	
722	DH72109712	Nguyễn Thị Thục Đoan	D21_QT08	7,83	76	
723	DH72112889	Nguyễn Thị Kiều Giang	D21_QT08	7,12	70	
724	DH72113291	Huỳnh Trung Hiếu	D21_QT08	7,21	80	
725	DH72109833	Nguyễn Phi Hùng	D21_QT08	7,36	69	
726	DH72110011	Nguyễn Ngọc Nga	D21_QT08	7,79	78	
727	DH72110023	Nguyễn Thị Kim Ngân	D21_QT08	7,58	71	
728	DH72110026	Nguyễn Thị Phương Ngân	D21_QT08	7,58	69	
729	DH72110308	Tài Nữ An Thuyên	D21_QT08	7,12	67	
730	DH72110355	Nguyễn Thị Thùy Trang	D21_QT08	7,22	67	
731	DH72110515	Bùi Thị Yên	D21_QT08	8,29	71	
732	DH72114167	Hà Hữu Thiên Kim	D21_QT09	7,63	88	
733	DH72109936	Nguyễn Vũ Phương Linh	D21_QT09	7,30	83	
734	DH72114362	Nguyễn Thị Bích Ngọc	D21_QT09	7,31	89	
735	DH72110052	Nguyễn Thảo Nguyên	D21_QT09	7,16	81	
736	DH72110076	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	D21_QT09	7,31	85	
737	DH72110127	Nguyễn Thành Phát	D21_QT09	7,18	78	
738	DH72110337	Nguyễn Thanh Tiến	D21_QT09	7,02	75	
739	DH72113872	Nguyễn Việt Minh Vũ	D21_QT09	7,26	79	
740	DH72113831	Trần Nguyên An	D21_QT10	7,11	79	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
741	DH72114150	Danh Trần Phi Dung	D21_QT10	7,21	78	
742	DH72113915	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giang	D21_QT10	7,11	80	
743	DH72114101	Nguyễn Thị Minh Huyền	D21_QT10	7,02	78	
744	DH72114720	Nguyễn Duy Khánh	D21_QT10	8,18	79	
745	DH72114023	Nguyễn Thị Thùy Linh	D21_QT10	7,66	80	
746	DH72114677	Võ Tuyên Ngọc Minh	D21_QT10	7,89	75	
747	DH72114566	Võ Thảo Nguyên	D21_QT10	7,19	79	
748	DH72114640	Trần Thị ánh Nguyệt	D21_QT10	7,45	84	
749	DH72111645	Nguyễn Vân Quỳnh	D21_QT10	7,24	77	
750	DH72114635	Nguyễn Phương Thúy	D21_QT10	7,13	81	
751	DH72114157	Trần Thị Kim Thúy	D21_QT10	7,72	84	
752	DH72114429	Trần Thị Thủy Tiên	D21_QT10	7,44	83	
753	DH72114633	Võ Trương Hà Tiên	D21_QT10	7,09	77	
754	DH72114248	Nguyễn Trần Quyên Trâm	D21_QT10	7,59	84	
755	DH72114017	Nguyễn Thị Thùy Trang	D21_QT10	7,62	78	
756	DH72114068	Nguyễn Vũ Như Uyên	D21_QT10	7,23	81	
757	DH72108693	Trần Ngọc Bảo Uyên	D21_QT10	7,45	83	
758	DH72114297	Đào Thị ánh Xuân	D21_QT10	7,70	84	
759	DH72201949	Trần Minh Chiến	D22_QT01	7,05	75	
760	DH72201993	Bùi Mai Bảo Duy	D22_QT01	7,86	78	
761	DH72202024	Nguyễn Gia Hân	D22_QT01	8,57	75	
762	DH72202030	Đỗ Thị Thu Hằng	D22_QT01	7,11	74	
763	DH72202064	Trần Thị Thu Hòa	D22_QT01	8,10	79	
764	DH72202146	Huỳnh Thị Thùy Linh	D22_QT01	8,37	76	
765	DH72202243	Châu Tuyết Nhi	D22_QT01	7,39	76	
766	DH72202259	Trịnh Nguyễn An Nhi	D22_QT01	7,41	82	
767	DH72202300	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	D22_QT01	7,35	77	
768	DH72202329	Trần Thị Thanh Tâm	D22_QT01	7,82	78	
769	DH72202353	Ngô Thiều Phương Thảo	D22_QT01	7,38	73	
770	DH72202391	Trương Thị Anh Thư	D22_QT01	8,00	78	
771	DH72202400	Phan Thị Cẩm Thúy	D22_QT01	7,22	78	
772	DH72202418	Phạm Đỗ Bảo Trâm	D22_QT01	7,38	73	
773	DH72202427	Phạm Đỗ Bảo Trân	D22_QT01	7,21	76	
774	DH72202466	Phạm Nguyễn Thanh Trúc	D22_QT01	7,63	82	
775	DH72202485	Nguyễn Thanh Tùng	D22_QT01	7,38	70	
776	DH72202505	Võ Thùy Vi	D22_QT01	7,46	73	
777	DH72202517	Nguyễn Đào Tường Vy	D22_QT01	7,38	76	
778	DH72202531	Trần Như ý	D22_QT01	7,15	77	
779	DH72201953	Đỗ Thị Hồng Cúc	D22_QT02	7,49	76	
780	DH72202060	Kiều Ngọc Hoa	D22_QT02	7,81	88	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
781	DH72202141	Nguyễn Kim Lân	D22_QT02	7,25	74	
782	DH72202368	Nguyễn Ngọc Minh Thi	D22_QT02	7,44	69	
783	DH72202373	Đặng Thị Tiểu Thơ	D22_QT02	7,03	76	
784	DH72202385	Nguyễn Mộng Anh Thư	D22_QT02	7,20	84	
785	DH72202403	Nguyễn Thị Minh Thùy	D22_QT02	7,53	67	
786	DH72202513	Lê Hạ Vy	D22_QT02	7,32	71	
787	DH72201915	Đỗ Thị Kim Anh	D22_QT03	8,06	76	
788	DH72201916	Huỳnh Ngọc Chiêu Anh	D22_QT03	7,11	79	
789	DH72201947	Ngô Thị Ngọc Chi	D22_QT03	7,50	66	
790	DH72202000	Lê Thị Duyên	D22_QT03	7,37	74	
791	DH72202162	Nguyễn Tuấn Lợi	D22_QT03	7,80	67	
792	DH72202287	Lý Tuyết Phụng	D22_QT03	7,65	67	
793	DH72202415	Nguyễn Ngọc Khánh Trâm	D22_QT03	7,09	71	
794	DH72201995	Trần Thanh Duy	D22_QT04	7,43	66	
795	DH72201944	Quách Ngọc Châu	D22_QT05	7,76	74	
796	DH72201982	Trương Thị Bích Dung	D22_QT05	7,35	78	
797	DH72202042	Lê Phúc Hậu	D22_QT05	7,18	67	
798	DH72202047	Hoàng Thị Thu Hiền	D22_QT05	7,99	76	
799	DH72202082	Phan Thị Mai Hương	D22_QT05	7,36	78	
800	DH72202087	Nguyễn Anh Huy	D22_QT05	8,36	75	
801	DH72202121	Nguyễn Huỳnh Minh Khôi	D22_QT05	7,80	74	
802	DH72202138	Nguyễn Ngọc Lan	D22_QT05	7,81	77	
803	DH72202281	Trần Quảng Phát	D22_QT05	7,68	68	
804	DH72202322	Nguyễn Ngọc Tài	D22_QT05	7,30	72	
805	DH72202387	Nguyễn Ngọc Anh Thư	D22_QT05	7,46	72	
806	DH72202420	Trần Trúc Trâm	D22_QT05	7,72	73	
807	DH72202428	Phạm Thị Bảo Trân	D22_QT05	7,48	79	
808	DH72202514	Lê Ngọc Thúy Vy	D22_QT05	7,21	76	
809	DH72202011	Trần Hoàng Giang	D22_QT06	7,00	73	
810	DH72202168	Nguyễn Thị Yên Ly	D22_QT06	7,32	73	
811	DH72202274	Nguyễn Thị Kim Ni	D22_QT06	7,15	74	
812	DH72202352	Mỵ Thị Hiền Thảo	D22_QT06	7,01	75	
813	DH72202372	Nguyễn Quốc Phúc Thịnh	D22_QT06	7,57	74	
814	DH72202382	Nguyễn Anh Thư	D22_QT06	7,04	76	
815	DH72202537	Mai Thị Hải Yên	D22_QT06	7,03	73	
816	DH72201951	Lê Công Chính	D22_QT07	7,06	84	
817	DH72202252	Nguyễn Thị Yên Nhi	D22_QT07	7,28	65	
818	DH72202150	Nguyễn Thị Ngọc Yên Linh	D22_QT08	7,32	67	
819	DH72202215	Trần Thị Kim Ngân	D22_QT08	8,27	67	
820	DH72202235	Đinh Thị Thu Nguyệt	D22_QT08	7,86	72	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
821	DH72202398	Lê Thị Thu	Thúy	D22_QT08	7,89	67	
822	DH72202441	Trương Thùy	Trang	D22_QT08	7,06	69	
823	DH72202488	Mai Thị Thanh	Tuyền	D22_QT08	7,90	72	
824	DH72202966	Phan Châu	Anh	D22_QT09	7,21	75	
825	DH72202916	Nguyễn Chấn	Hào	D22_QT09	7,12	71	
826	DH72203712	Quách Thị Gia	Lợi	D22_QT09	7,66	87	
827	DH72203682	Nguyễn Thị Kiều	Mi	D22_QT09	7,53	71	
828	DH72202935	Vương Mỹ	Nga	D22_QT09	7,27	77	
829	DH72203702	Lê Ngọc	Thu	D22_QT09	7,27	77	
830	DH72203784	Nguyễn Thị Thu	Thùy	D22_QT09	7,43	73	
831	DH81900671	Nguyễn Thanh	Bình	D19_XD01	7,35	90	
832	DH81900441	Nguyễn Trương	Đạo	D19_XD01	8,50	74	
833	DH81903359	Phan Khánh	Duy	D19_XD01	7,54	85	
834	DH81900406	Nguyễn Minh	Kha	D19_XD01	7,59	85	
835	DH81901606	Phạm Nguyễn En	Ny	D19_XD01	7,22	74	
836	DH81901682	Trần Nguyễn Quốc	Thái	D19_XD01	7,52	90	
837	DH81901449	Lê Quốc	Thắng	D19_XD01	7,36	70	
838	DH81905024	Nguyễn Thị Kim	Yến	D19_XD01	7,75	70	
839	DH81901468	Lê Trần Hoàng	Huy	D19_XD02	7,13	75	
840	DH81900101	Nguyễn Quốc	Kỳ	D19_XD02	7,37	77	
841	DH81900340	Đoàn Minh	Nhật	D19_XD02	7,34	75	
842	DH81902102	Trần Hoàng	Phúc	D19_XD02	7,74	77	
843	DH81905501	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	D19_XD02	7,86	91	
844	DH81900374	Nguyễn Bá	Thái	D19_XD02	7,48	79	
845	DH81901559	Lê Duy	Trương	D19_XD02	7,64	79	
846	DH81900661	Trần Gia	Trương	D19_XD02	7,06	82	
847	DH82004522	Từ Thừa	Chí	D20_XD02	7,65	92	
848	DH82006525	Nguyễn Trung	Hậu	D20_XD02	7,53	91	
849	DH82004118	Lê Phạm Tấn	Tài	D20_XD02	7,55	87	
850	DH82108205	Nguyễn Thành	Đạt	D21_XD01	7,08	76	
851	DH82114400	Đào Huy Đông	Ngọt	D21_XD02	7,19	78	
852	DH82202588	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	D22_XD01	7,18	66	
853	DH91903681	Phan Văn Quốc	Huy	D19_TK2TT	7,80	83	
854	DH91902339	Võ Duy	Dương	D19_TK3DH	8,56	75	
855	DH91903655	Huỳnh Quang	Huy	D19_TK3DH	7,88	75	
856	DH91904082	Trần Trung	Nghiên	D19_TK3DH	7,92	73	
857	DH91904286	Nguyễn Mai	Phương	D19_TK3DH	7,93	78	
858	DH91901338	Nguyễn Hồng	Quân	D19_TK3DH	7,99	78	
859	DH91901448	Lê Như	Quỳnh	D19_TK3DH	8,48	74	
860	DH91900800	Nguyễn Phương	Tuyền	D19_TK3DH	8,35	79	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
861	DH91902708	Đỗ Thị Thanh Vân	D19_TK3DH	7,18	79	
862	DH91900033	Hồ Nguyễn Huy Vũ	D19_TK3DH	8,40	79	
863	DH91905102	Ng Trần Hoàng Trúc Vy	D19_TK3DH	8,76	74	
864	DH92003758	Nguyễn Thanh An	D20_TK3DH	7,16	77	
865	DH92004234	Tý Thiệu Thuận An	D20_TK3DH	8,01	77	
866	DH92002704	Nguyễn Hoàng Bích	D20_TK3DH	7,15	78	
867	DH92003590	Nguyễn Thọ Danh	D20_TK3DH	7,10	66	
868	DH92001810	Nguyễn Đức Huy	D20_TK3DH	7,64	78	
869	DH92002174	Trần Quốc Kha	D20_TK3DH	7,42	81	
870	DH92005101	Ngô Thị Mỹ Linh	D20_TK3DH	7,20	83	
871	DH92003044	Nguyễn Thành Luân	D20_TK3DH	7,12	68	
872	DH92003926	Đỗ Trọng Nam	D20_TK3DH	7,50	74	
873	DH92005113	Tô Hoài Nhi	D20_TK3DH	7,44	76	
874	DH92004846	Trần Hoài Nhi	D20_TK3DH	7,28	79	
875	DH92005122	Trần Văn Quân	D20_TK3DH	7,50	81	
876	DH92001836	Nguyễn Thị Hồng Thắm	D20_TK3DH	7,47	81	
877	DH92003307	Nguyễn Thị Anh Thư	D20_TK3DH	7,50	83	
878	DH92000017	Phạm Thị Kim Thùy	D20_TK3DH	7,05	79	
879	DH92005148	Lê Thị Ngọc Trâm	D20_TK3DH	7,38	80	
880	DH92001853	Hồ Văn Tuấn	D20_TK3DH	7,09	77	
881	DH92005153	Võ Thanh Vân	D20_TK3DH	7,64	84	
882	DH92002230	Nguyễn Đỗ Tường Vy	D20_TK3DH	7,18	79	
883	DH92003219	Trần Thị Thảo Vy	D20_TK3DH	7,23	82	
884	DH92004421	Trần Thị Lan Anh	D20_TK4NT	7,49	74	
885	DH92004360	Nguyễn Lê Hoàng ánh	D20_TK4NT	7,27	72	
886	DH92002213	Đặng Quốc Danh	D20_TK4NT	7,63	78	
887	DH92001058	Phạm Thị Kim Hằng	D20_TK4NT	7,29	74	
888	DH92002228	Phạm Thị Mỹ Huyền	D20_TK4NT	7,91	72	
889	DH92001276	Huỳnh Cẩm Thu	D20_TK4NT	7,65	82	
890	DH92004233	Lê Hoàng Anh Thư	D20_TK4NT	7,44	82	
891	DH92100769	Trương Khánh Duy	D21_TK1TD	7,15	84	
892	DH92109340	Bùi Ngọc Hân	D21_TK1TD	7,38	74	
893	DH92109493	Trần Phạm Minh Thắng	D21_TK1TD	8,08	71	
894	DH92107917	Phạm Thị Thanh Trúc	D21_TK1TD	7,28	78	
895	DH92103109	Trần Ngọc Khả Tú	D21_TK1TD	7,66	87	
896	DH92104450	Lữ Ngọc Trân	D21_TK2TT	7,79	84	
897	DH92109576	Đỗ Thanh Bình Yên	D21_TK2TT	7,88	84	
898	DH92109283	Nguyễn Lê Phương Anh	D21_TK3DH1	7,80	67	
899	DH92109284	Nguyễn Phụng Anh	D21_TK3DH1	7,94	71	
900	DH92101044	Lương Tuyết Băng	D21_TK3DH1	7,65	74	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
901	DH92109184	Cao Thị Minh Châu	D21_TK3DH1	7,32	71	
902	DH92104140	Bùi Hoàng Mỹ Linh Chi	D21_TK3DH1	7,41	79	
903	DH92105543	Nguyễn Minh Chí	D21_TK3DH1	7,37	70	
904	DH92101471	Chen Yi Chin	D21_TK3DH1	7,55	67	
905	DH92103278	Phương Đỗ Nguyệt Hằng	D21_TK3DH1	7,79	71	
906	DH92101365	Trần Quốc Hội	D21_TK3DH1	7,15	82	
907	DH92112745	Nguyễn Công Huân	D21_TK3DH1	7,29	69	
908	DH92109377	Phan Hoàng Khang	D21_TK3DH1	7,69	68	
909	DH92109395	Nguyễn Thị Yên Linh	D21_TK3DH1	7,48	69	
910	DH92107679	Phạm Thị Phước Loan	D21_TK3DH1	7,64	68	
911	DH92107244	Cao Hoàng Minh	D21_TK3DH1	7,59	75	
912	DH92100277	Lâm Bội Như	D21_TK3DH1	7,74	69	
913	DH92109449	Huỳnh Thị Ngọc Oanh	D21_TK3DH1	7,76	71	
914	DH92108688	Nguyễn Tuấn Phát	D21_TK3DH1	7,61	77	
915	DH92109457	Võ Quang Phúc	D21_TK3DH1	7,11	70	
916	DH92101603	Lê Minh Quân	D21_TK3DH1	7,45	70	
917	DH92100809	Cao Thoại Quỳnh	D21_TK3DH1	7,12	66	
918	DH92106701	Diệp Vinh Sâm	D21_TK3DH1	7,00	67	
919	DH92107682	Triệu Hồng Thơm	D21_TK3DH1	7,66	69	
920	DH92103802	Trần Quốc Toàn	D21_TK3DH1	7,86	71	
921	DH92102764	Đặng Ngọc Bảo Trân	D21_TK3DH1	7,32	79	
922	DH92100458	Lê Nguyễn Thảo Vy	D21_TK3DH1	7,48	67	
923	DH92114734	Tạ Hồng Anh	D21_TK3DH2	8,14	73	
924	DH92109300	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	D21_TK3DH2	7,13	65	
925	DH92113295	Đặng Gia Hân	D21_TK3DH2	7,38	71	
926	DH92114010	Hàng Gia Hân	D21_TK3DH2	7,38	75	
927	DH92109355	Phan Đức Huân	D21_TK3DH2	7,89	70	
928	DH92113984	Huỳnh Gia Huy	D21_TK3DH2	8,04	76	
929	DH92109369	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	D21_TK3DH2	7,91	69	
930	DH92109391	Phạm Thị Kim Liên	D21_TK3DH2	7,69	70	
931	DH92109416	Nguyễn Xuân Nam	D21_TK3DH2	7,05	66	
932	DH92114165	Tạ Nguyễn Ngọc Ngân	D21_TK3DH2	7,56	73	
933	DH92109425	Nguyễn Phương Nghi	D21_TK3DH2	7,60	67	
934	DH92109460	Trần Thành Phước	D21_TK3DH2	7,83	81	
935	DH92101864	Nguyễn Thu Phượng	D21_TK3DH2	7,49	66	
936	DH92114339	Nguyễn Trúc Như Quỳnh	D21_TK3DH2	7,40	76	
937	DH92114335	Nguyễn Thành Sơn	D21_TK3DH2	7,18	66	
938	DH92114709	Nguyễn Hữu Tài	D21_TK3DH2	7,65	79	
939	DH92109492	Phạm Thanh Thắng	D21_TK3DH2	7,82	69	
940	DH92109486	Lưu Huỳnh Minh Thành	D21_TK3DH2	7,44	68	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
941	DH92109495	Phạm Đông Thi	D21_TK3DH2	7,74	71	
942	DH92109497	Đoàn Minh Thiên	D21_TK3DH2	7,22	67	
943	DH92108963	Lê Võ Anh Thư	D21_TK3DH2	7,72	80	
944	DH92109511	Nguyễn Phương Thư	D21_TK3DH2	8,16	74	
945	DH92108741	Nguyễn Thị Thùy Trang	D21_TK3DH2	7,41	74	
946	DH92109546	Lưu Thái Quốc Tuấn	D21_TK3DH2	7,31	73	
947	DH92109561	Nguyễn Thị Anh Vân	D21_TK3DH2	7,59	76	
948	DH92109113	Nguyễn Thị Ngọc ánh	D21_TK4NT	7,52	74	
949	DH92104191	Nguyễn Thành Đạt	D21_TK4NT	7,49	75	
950	DH92109394	Nguyễn Thị Thùy Linh	D21_TK4NT	7,97	79	
951	DH92109410	Nguyễn Quốc Minh	D21_TK4NT	7,56	83	
952	DH92101778	Nguyễn Đức Thái	D21_TK4NT	7,21	80	
953	DH92113510	Lê Thị Thúy Thanh	D21_TK4NT	7,83	85	
954	DH92100355	Nguyễn Công Thành	D21_TK4NT	7,41	75	
955	DH92101576	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	D21_TK4NT	7,95	87	
956	DH92100645	Bùi Thanh Vân	D21_TK4NT	7,69	79	
957	DH92100504	Đỗ Thanh Vy	D21_TK4NT	7,73	76	
958	DH92107786	Phạm Kim Xuân	D21_TK4NT	8,16	77	
959	DH92202745	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	D22_TK2TT	7,45	77	
960	DH92202766	Nguyễn Kiều Bảo Như	D22_TK2TT	7,87	70	
961	DH92202799	Võ Thị Như Quỳnh	D22_TK2TT	7,00	70	
962	DH92202805	Lê Thiệp Tâm	D22_TK2TT	7,45	73	
963	DH92202827	Nguyễn Thị Đăng Thời	D22_TK2TT	7,70	70	
964	DH92203879	Phạm Hưng Gia	D22_TK3DH1	7,86	65	
965	DH92202672	Võ Thu Hiền	D22_TK3DH1	7,44	65	
966	DH92202678	Đặng Huy Hoàng	D22_TK3DH1	7,75	65	
967	DH92202689	Ngô Đức Huy	D22_TK3DH1	8,46	66	
968	DH92202692	Nguyễn Tiến Kha	D22_TK3DH1	7,96	78	
969	DH92203918	Trần Chí Khang	D22_TK3DH1	7,44	65	
970	DH92202700	Nguyễn Hoàng Yến Khanh	D22_TK3DH1	8,10	68	
971	DH92202722	Dương Ngọc Minh	D22_TK3DH1	7,80	69	
972	DH92202726	Nguyễn Thị Ngọc Minh	D22_TK3DH1	7,73	67	
973	DH92202727	Nguyễn Xuân Minh	D22_TK3DH1	8,51	66	
974	DH92202769	Vòng Mạnh Như	D22_TK3DH1	8,52	69	
975	DH92202770	Phạm Thị Hồng Nhung	D22_TK3DH1	8,13	74	
976	DH92202779	Hoàng Tấn Phong	D22_TK3DH1	8,61	74	
977	DH92202783	Lê Hoàng Phúc	D22_TK3DH1	8,34	68	
978	DH92202790	Lê Kim Phụng	D22_TK3DH1	8,80	71	
979	DH92202796	Ngô Ngọc Quyên	D22_TK3DH1	8,07	72	
980	DH92202806	Lưu Đức Tân	D22_TK3DH1	8,01	79	

STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
981	DH92202812	Võ Thị Hồng	Thắm	D22_TK3DH1	7,50	69	
982	DH92202852	Phan Thị Thùy	Trang	D22_TK3DH1	7,83	75	
983	DH92202632	Nguyễn Đỗ Gia	Bảo	D22_TK3DH2	7,61	68	
984	DH92202638	Nguyễn Thành	Chung	D22_TK3DH2	7,42	67	
985	DH92202663	Nguyễn Trần Gia	Hân	D22_TK3DH2	7,54	74	
986	DH92202693	Phan Thanh	Kha	D22_TK3DH2	7,33	66	
987	DH92202712	Nhan Phương	Linh	D22_TK3DH2	7,15	70	
988	DH92202731	Nguyễn Tấn	Nam	D22_TK3DH2	7,80	71	
989	DH92202735	Trương Nguyễn Hồng	Ngân	D22_TK3DH2	7,36	67	
990	DH92202743	Ngô Thị Hồng	Ngọc	D22_TK3DH2	7,67	77	
991	DH92202759	Lê Thị Thảo	Nhi	D22_TK3DH2	7,86	67	
992	DH92202765	Lê Thị Quỳnh	Như	D22_TK3DH2	7,62	69	
993	DH92202814	Ngô Gia	Thắng	D22_TK3DH2	7,90	68	
994	DH92202815	Phan Hùng	Thắng	D22_TK3DH2	8,34	75	
995	DH92202835	Đình Phạm Thanh	Thúy	D22_TK3DH2	8,00	76	
996	DH92202859	Nguyễn Hoài	Trình	D22_TK3DH2	7,18	81	
997	DH92202862	Bùi Kim	Trúc	D22_TK3DH2	8,06	73	
998	DH92202873	Đặng Ngọc Quốc	Tường	D22_TK3DH2	7,72	72	
999	DH92202874	Nguyễn Ngọc Thiên	Tường	D22_TK3DH2	8,18	77	
1000	DH92202882	Nguyễn Thị Trà	Vinh	D22_TK3DH2	7,64	72	
1001	DH92202888	Huỳnh Tường	Vy	D22_TK3DH2	8,03	66	
1002	DH92202889	Lê Thụy Trúc	Vy	D22_TK3DH2	7,34	68	
1003	DH92202896	Trương Thảo	Vy	D22_TK3DH2	7,95	72	
1004	DH92202897	Nguyễn Trần Ngọc	Xuân	D22_TK3DH2	7,88	73	
1005	DH92202898	Thạch Ngọc	Yên	D22_TK3DH2	7,85	78	
1006	DH92202623	Võ Phước	An	D22_TK3DH3	7,30	78	
1007	DH92202642	Bùi Hải	Đặng	D22_TK3DH3	7,80	79	
1008	DH92202673	Nguyễn Nhật	Hiếu	D22_TK3DH3	7,87	74	
1009	DH92202684	Trương Anh	Hùng	D22_TK3DH3	8,65	77	
1010	DH92202685	Đặng Trần Tuấn	Hung	D22_TK3DH3	8,39	79	
1011	DH92202721	Nhan Gia	Mẫn	D22_TK3DH3	7,28	71	
1012	DH92202733	Lê Ngọc Bảo	Ngân	D22_TK3DH3	7,16	81	
1013	DH92202742	Lâm Thúy	Ngọc	D22_TK3DH3	7,88	79	
1014	DH92202758	Lâm Đông	Nhi	D22_TK3DH3	7,95	76	
1015	DH92202782	Hoàng Minh	Phúc	D22_TK3DH3	7,12	78	
1016	DH92202792	Hà Thị Thu	Phương	D22_TK3DH3	7,30	76	
1017	DH92202794	Lê Nguyễn Yến	Phương	D22_TK3DH3	7,55	76	
1018	DH92202803	Mai Hữu	Tài	D22_TK3DH3	7,34	77	
1019	DH92202811	Đoàn Trọng	Tấn	D22_TK3DH3	7,18	79	
1020	DH92202816	Huỳnh Nhật	Thanh	D22_TK3DH3	7,69	78	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
1021	DH92202819	Chung Vĩ Thành	D22_TK3DH3	8,14	78	
1022	DH92202824	Nguyễn Hoàng Thiện	D22_TK3DH3	7,47	77	
1023	DH92202828	Phan Ngọc Thu	D22_TK3DH3	7,00	76	
1024	DH92202843	Trần Nguyễn Ngọc Trâm	D22_TK3DH3	7,06	70	
1025	DH92202850	Nguyễn Hòa Thu Trang	D22_TK3DH3	7,56	80	
1026	DH92202870	Lê Minh Tuấn	D22_TK3DH3	7,47	78	
1027	DH92202875	Lưu Thị Ngọc Vân	D22_TK3DH3	7,78	77	
1028	DH92202891	Nguyễn Yên Vy	D22_TK3DH3	7,79	72	
1029	DH92202895	Trương Lê Thụy Vy	D22_TK3DH3	7,83	77	
1030	DH92202619	Lê Trúc An	D22_TK3DH4	8,29	72	
1031	DH92202628	Hoàng Thị ánh	D22_TK3DH4	7,74	69	
1032	DH92202630	Tổng Vỹ Bằng	D22_TK3DH4	7,63	73	
1033	DH92202643	Trần Tuấn Đăng	D22_TK3DH4	7,47	85	
1034	DH92202644	Huỳnh Hoài Danh	D22_TK3DH4	7,50	74	
1035	DH92202646	Mai Tấn Đạt	D22_TK3DH4	7,92	69	
1036	DH92202665	Văn Gia Hân	D22_TK3DH4	7,44	67	
1037	DH92202666	Võ Thị Thanh Hằng	D22_TK3DH4	7,80	72	
1038	DH92202669	Nguyễn Thanh Hậu	D22_TK3DH4	8,05	70	
1039	DH92202674	Phạm Văn Hiếu	D22_TK3DH4	7,81	74	
1040	DH92202675	Trần Thị Minh Hiếu	D22_TK3DH4	8,15	76	
1041	DH92202683	Đặng Thị Thu Hồng	D22_TK3DH4	7,54	75	
1042	DH92202699	Trần Vĩnh Khang	D22_TK3DH4	7,88	74	
1043	DH92202709	Võ Thị Thu Lài	D22_TK3DH4	7,71	87	
1044	DH92202717	Nguyễn Phúc Lộc	D22_TK3DH4	7,27	71	
1045	DH92202734	Phạm Đỗ Thanh Ngân	D22_TK3DH4	7,78	70	
1046	DH92202749	Phạm Lâm Anh Nguyễn	D22_TK3DH4	8,06	69	
1047	DH92202754	Nguyễn Trần Trọng Nhân	D22_TK3DH4	7,27	69	
1048	DH92202762	Trần Lê Yên Nhi	D22_TK3DH4	7,43	70	
1049	DH92202763	Trần Mỹ Nhiên	D22_TK3DH4	8,00	72	
1050	DH92202768	Võ Ngọc Quỳnh Như	D22_TK3DH4	7,34	70	
1051	DH92202781	Dương Nguyễn Quang Phúc	D22_TK3DH4	7,23	83	
1052	DH92202823	Bùi Minh Thi	D22_TK3DH4	7,65	70	
1053	DH92202826	Phạm Huỳnh Anh Thoại	D22_TK3DH4	7,50	67	
1054	DH92202832	Lê Thị Thương	D22_TK3DH4	7,45	68	
1055	DH92202833	Phan Nguyễn Hoài Thương	D22_TK3DH4	7,52	70	
1056	DH92202842	Nguyễn Đức Toàn	D22_TK3DH4	7,07	69	
1057	DH92202844	Văn Thị Bích Trâm	D22_TK3DH4	7,23	70	
1058	DH92202849	Phạm Bảo Trân	D22_TK3DH4	7,80	72	
1059	DH92202853	Trần Thị Thu Trang	D22_TK3DH4	7,55	71	
1060	DH92202864	Nguyễn Phương Trúc	D22_TK3DH4	7,34	70	

STT	MSSV	Họ và tên	Lớp	Điểm TB học tập năm học 2022-2023	Điểm TB ĐGRL năm học 2022-2023	Ghi chú
1061	DH92202886	Phùng Nguyễn Thế Vũ	D22_TK3DH4	7,24	70	
1062	DH92202893	Trần ái Vy	D22_TK3DH4	7,52	72	
1063	DH92202626	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	D22_TK4NT	7,03	70	
1064	DH92202633	Nguyễn Lê Gia Bảo	D22_TK4NT	7,60	69	
1065	DH92202637	Hoàng Minh Chiến	D22_TK4NT	7,38	66	
1066	DH92202677	Nguyễn Thu Hoài	D22_TK4NT	7,84	78	
1067	DH92202691	Lê Thị Mỹ Huỳnh	D22_TK4NT	7,80	71	
1068	DH92202751	Nguyễn Cao Nhật Nguyệt	D22_TK4NT	7,25	68	
1069	DH92202755	Bùi Trọng Nhân	D22_TK4NT	7,82	68	
1070	DH92202773	Nguyễn Tấn Nhựt	D22_TK4NT	7,29	71	
1071	DH92202845	Võ Thị Ngọc Trâm	D22_TK4NT	7,34	72	
1072	DH92203777	Huỳnh Thị Thùy Trang	D22_TK4NT	7,87	73	
1073	DH92202863	Đỗ Phạm Thanh Trúc	D22_TK4NT	7,93	71	
1074	DH92202890	Nguyễn Thị Tường Vy	D22_TK4NT	7,36	70	

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 10 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Cao Hào Thi